

Số: 7126 /VCB-CL&TKHDQT
V/v: Cập nhật, bổ sung tài liệu hợp ĐHĐCĐ
thường niên năm 2026

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Mã chứng khoán: VCB

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 9343137

Email: cltkhdqt.ho@vietcombank.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 02/04/2026, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã ban hành Nghị quyết số 158/NQ-VCB-HĐQT về việc phê duyệt Tài liệu hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, tổ chức vào ngày 24/04/2026. Theo đó, các tài liệu hợp được phê duyệt đã được VCB đăng tải trên website từ ngày 02/04/2026.

Ngày 23/04/2026, VCB đã nhận được các Công văn số 2770/NHNN-TCKT đề ngày 09/04/2026, Công văn số 3085/NHNN-TCKT đề ngày 20/04/2026, Công văn số 3299/NHNN-QLGS đề ngày 23/04/2026, Công văn số 3314/NHNN-QLGS đề ngày 23/04/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho ý kiến về các tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của VCB.

Trên cơ sở đó, VCB đã cập nhật, bổ sung các tài liệu và HĐQT VCB đã ban hành Nghị quyết số 196/NQ-VCB-HĐQT ngày 23/04/2026 về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung tài liệu hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Các tài liệu cập nhật, bổ sung hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 theo Nghị quyết số 196/NQ-VCB-HĐQT ngày 23/04/2026 được VCB công bố trên website tại đường dẫn: "<https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu>" - "Đại hội



đồng cổ đông” - “Năm 2026” để cổ đông truy cập và nghiên cứu trước khi tham dự ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 24/04/2026.

3. Thông tin này được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 23/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT HĐQT, TGĐ (để b/c);
- TV HĐQT, TV BĐH (để biết);
- Lưu: VT, CL&TKHĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết 196/NQ-VCB-HĐQT;
- Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hoàng Tùng



NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VCB (HĐQT) ban hành kèm theo Quyết định số 979/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của HĐQT;

Xét Tờ trình số 79/2026/BCL-TTr ngày 23/04/2026 của Ban Chiến lược & Thư ký HĐQT (Ban CL&TKHĐQT);

Trên cơ sở thống nhất ý kiến của các Thành viên HĐQT tại Phiếu lấy ý kiến số 52/PLYK-VCB-HĐQT ngày 23/04/2026 của HĐQT;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt cập nhật, bổ sung các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 bao gồm:

1. Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026.
2. Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và định hướng năm 2026.
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026.
4. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
5. Tờ trình về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027.
6. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB.



7. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
8. Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ.
9. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Điều 2. Giao Ban CL&TKHĐQT thực hiện công bố thông tin, đăng tải các tài liệu đã được phê duyệt tại Điều 1 Nghị quyết này theo quy định.

Điều 3. Giao Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai các nội dung phê duyệt nêu trên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VCB./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, TV BDH;
- TrBKS, TV BKS, KTT;
- P. KToNB, P. KH, P. CSTCKT, P. TCKT, B. TCNS;
- Lưu: CL&TKHĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tùng



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Đặc điểm, tình hình chung

Năm 2025, kinh tế thế giới hồi phục nhẹ nhờ lạm phát tiếp tục xu hướng giảm, chính sách tiền tệ dần được nới lỏng. Tuy nhiên, sự hồi phục bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tác động thuế quan của Mỹ, xung đột Nga-Ukraine kéo dài, bất ổn địa chính trị ở Trung Đông tiếp tục lan rộng ... Theo báo cáo của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 ước đạt ~3,2%, thấp hơn mức 3,3% của năm 2024.

Dù chịu ảnh hưởng của những biến động toàn cầu, kinh tế Việt Nam năm 2025 đã có sự bứt phá ấn tượng. GDP năm 2025 tăng 8,02%, vượt qua mốc 500 tỷ USD, trở thành quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực và thuộc nhóm tăng trưởng cao trên thế giới; lạm phát được kiểm soát, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31%; xuất khẩu tăng 17% bất chấp tác động của thuế quan của Mỹ.

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao

Trong bối cảnh chung đó, với sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của Chính phủ, NHNN, cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực lao động, sáng tạo và cống hiến của toàn thể cán bộ nhân viên, sự gắn bó, tin cậy, ủng hộ, đồng hành của Quý Khách hàng và Quý Cổ đông, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) đã đạt được những thành tựu nổi bật, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh.

2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- ✓ Tổng tài sản đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024.
- ✓ Dư nợ tín dụng đạt ~ 1,7 triệu tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2024, trong giới hạn tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giao.
- ✓ Tổng huy động vốn đạt ~ 1,7 triệu tỷ đồng, tăng trên 10% so với năm 2024.

- ✓ VCB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu 0,97%. Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu nội bảng ở mức tốt nhất trong nhóm các ngân hàng lớn tại Việt Nam.
- ✓ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 44.020 tỷ đồng, tăng trên 4% so với năm 2024, tiếp tục là ngân hàng có quy mô lợi nhuận dẫn đầu thị trường.
- ✓ Quy mô vốn hóa thị trường của VCB cuối năm 2025 đạt ~18 tỷ USD, tiếp tục thuộc nhóm doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất Việt Nam.
- ✓ Về xếp hạng tín nhiệm, VCB được tổ chức xếp hạng S&P nâng hạng vào tháng 8/2025, qua đó đưa VCB trở thành ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được cả ba tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới (S&P, Moody's, Fitch) đánh giá ở mức tương đương với trần tín nhiệm quốc gia.
- ✓ Về phát triển bền vững, năm 2025 là năm thứ ba liên tiếp VCB được vinh danh trong nhóm 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường (VNSI), khẳng định vị thế dẫn đầu của VCB với những bước tiến quan trọng trong tài chính bền vững, quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội.
(Chi tiết các mặt hoạt động kinh doanh được trình bày tại Báo cáo của Ban Điều hành).

2.2. Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

Công tác quản trị ngân hàng được Hội đồng Quản trị (HDQT) đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2025, bao gồm:

(i) Công tác tăng vốn

- ✓ HDQT tiếp tục quyết liệt chỉ đạo triển khai việc tăng vốn điều lệ để đáp ứng hệ số an toàn vốn trong bối cảnh quy mô tổng tài sản ngày càng tăng. Năm 2025, VCB đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2018 (~27.700 tỷ đồng) để tăng vốn điều lệ lên mức 83,6 nghìn tỷ đồng.
- ✓ Hiện nay, VCB đang triển khai việc tăng vốn điều lệ từ các nguồn (+) quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, (+) phát hành cổ phiếu riêng lẻ (tỷ lệ 6,5% vốn điều lệ), và (+) lợi nhuận còn lại giai đoạn 2020-2023.

(ii) Quản trị nguồn nhân lực và đào tạo, phát triển mạng lưới

- ✓ Mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ Sở chính và Chi nhánh tiếp tục được rà soát, kiện toàn và chuẩn hóa theo hướng tinh gọn, hiệu

lực, hiệu quả, ưu tiên công tác bán hàng và hoạt động chuyển đổi số.

- ✓ Triển khai chặt chẽ và bài bản công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ.
- ✓ Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát định hướng kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn của VCB.
- ✓ Công tác thi đua khen thưởng có những thay đổi tích cực, được thực hiện bài bản, tạo động lực cho cán bộ, góp phần vào thành công chung của VCB.

(iii) Quản trị VCBNeo

- ✓ Thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao, từ tháng 10/2024 VCB đã hoàn tất tiếp nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng (nay là VCBNeo). Với sự hỗ trợ mạnh mẽ toàn diện từ VCB, hoạt động kinh doanh năm thứ nhất (năm 2025) của VCBNeo đã đạt kết quả tích cực so với phương án chuyển giao bắt buộc. Trong giai đoạn tiếp theo, để tiếp tục hỗ trợ VCBNeo đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu và tái cơ cấu, VCB dự kiến tái cấu trúc công ty AMC của VCBNeo theo hướng chuyển đổi VCBNeo AMC thành Công ty con của VCB hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, đồng thời tiến hành đầu tư các nguồn lực về nhân sự, vốn, công nghệ, sản phẩm, quy trình... để phát triển VCBNeo AMC thành đơn vị xử lý nợ chuyên nghiệp, làm cơ sở và tiền đề để hỗ trợ VCBNeo nhanh chóng xử lý các khoản nợ xấu còn tồn đọng tại VCBNeo.

(iv) Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, các hoạt động khác

- ✓ Với vai trò dẫn dắt thị trường của một ngân hàng chủ đạo và trách nhiệm xã hội của một thương hiệu lớn, trong nhiều năm qua, VCB đã chủ động triển khai các chương trình miễn giảm lãi để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất. Riêng năm 2025, VCB đã thực hiện 28 chương trình/chính sách lãi suất cho vay ưu đãi cho cả khoản vay ngắn hạn và trung dài hạn với mức thấp hơn từ 0,5%/ tới 2%/năm so với lãi suất bình quân để hỗ trợ khách hàng; đồng thời duy trì lãi suất cho vay với mức thấp để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.
- ✓ Trong năm 2025, VCB và tập thể người lao động đã hỗ trợ các tỉnh, thành phố bị thiệt hại do bão, lũ gây ra tại 13 tỉnh với số tiền 45,4 tỷ đồng.

2.3. Chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

VCB đã xây dựng và báo cáo Ngân hàng Nhà nước phê duyệt Chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, toàn hệ thống VCB đã nỗ lực, quyết tâm thực hiện các mục tiêu chiến lược, các giải pháp đề ra tại chiến lược. Đến hết năm 2025, VCB cơ bản hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Cụ thể, VCB đạt mục tiêu là ngân hàng số 1 tại Việt Nam (về lợi nhuận trước thuế), là một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1000 doanh nghiệp đại chúng lớn nhất toàn cầu (theo xếp hạng của các tổ chức uy tín trên thế giới), có đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

2.4. Phân phối lợi nhuận năm 2024 - Điều 1 Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (Nghị quyết 18)

Trên cơ sở phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tại Công văn số 8305/NHNN-TCKT ngày 23/09/2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 565/NQ-VCB-HĐQT ngày 24/09/2025 phê duyệt chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho các cổ đông của VCB. Theo đó, VCB đã hoàn thành chi trả tại ngày 24/10/2025.

Các nội dung còn lại của phương án phân phối lợi sẽ được thực hiện sau khi có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Thủ lao của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025 - Điều 2 Nghị quyết 18

Mức thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát phát sinh và được chi trả từ quỹ lương trong năm tài chính 2025 là 0,074% lợi nhuận hợp nhất sau thuế, phù hợp với Nghị quyết 18. Mức chi cụ thể được công bố tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của VCB.

2.6. Việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ - Điều 7 Nghị quyết 18

ĐHĐCĐ năm 2025 đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB.

Ngày 14/05/2025, VCB đã ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VCB theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Cùng ngày, HĐQT đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ của VCB (kèm theo Quyết định số 989/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của HĐQT VCB) và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT của VCB (kèm theo Quyết định số 979/QĐ-

VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của HĐQT VCB).

2.7. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm - Điều 8 Nghị quyết 18

Trong kỳ báo cáo VCB không nhận được yêu cầu điều chỉnh từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, không phát sinh nội dung cần phê duyệt. VCB sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ và thực hiện điều chỉnh kịp thời khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

2.8. Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ - Điều 9 Nghị quyết 18

VCB đang bám sát diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, đồng thời phối hợp với các đơn vị tư vấn tích cực tìm kiếm nhà đầu tư và triển khai phương án theo kế hoạch đề ra.

3. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức họp 54 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 127 nội dung để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề khác.

Danh sách các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2025 được công bố tại Báo cáo tình hình quản trị ngân hàng năm 2025 của VCB - đã công bố trên website của VCB.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa VCB, công ty con, công ty do VCB nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VCB với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Chi tiết các giao dịch tại Phụ lục 03 và 04A Báo cáo tình hình quản trị ngân hàng năm 2025 của VCB - đã công bố trên website của VCB

5. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

Hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ của VCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các nội dung đã được

DHĐCD thông qua.

Trong năm 2025, HĐQT tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo toàn hệ thống nỗ lực phấn đấu trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn và đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. HĐQT đã thể hiện vai trò nổi bật trong việc định hướng chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, có đóng góp tích cực, quan trọng vào kết quả hoạt động chung của VCB.

Chi tiết Báo cáo đánh giá của TV độc lập HĐQT tại Phụ lục 01 đính kèm.

6. Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT

Trong năm 2025, các Ủy ban đã thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban.

Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

7. Kết quả giám sát đối với Người Điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Người Điều hành (NDH) được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của VCB.

Định kỳ hàng tháng HĐQT tổ chức họp phiên toàn thể đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích thị trường, từ đó, quyết nghị những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát với thực tiễn. Tại phiên họp toàn thể này, NDH báo cáo về mọi mặt hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai các công việc theo thẩm quyền. Định kỳ hàng tuần, HĐQT họp để giải quyết, xử lý kịp thời các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT.

Ngoài ra, việc giám sát của HĐQT đối với hoạt động của NDH còn được thể hiện thông qua việc xem xét báo cáo hàng tháng do Ban Kiểm soát lập.

Trong năm 2025, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo các mặt hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu đề ra. NDH đã tuân thủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ VCB, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của VCB.

8. Công bố thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 49 Luật các Tổ chức tín dụng

Thông tin (quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều 49 Luật các Tổ chức tín dụng) được công bố tại Phụ lục 05 Báo cáo tình hình quản trị ngân hàng năm 2025 của VCB - đã công bố trên website của VCB.

Thông tin (quy định tại các điểm a, c, d khoản 2 Điều 49 Luật các Tổ chức tín dụng) đã công bố trên website của VCB tại trang Nhà đầu tư phần Công bố thông tin.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Chiến lược phát triển VCB giai đoạn tới

Đề xuất ĐHĐCĐ giao HĐQT xây dựng và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Chiến lược phát triển VCB giai đoạn tới theo định hướng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ tình hình thực tiễn của thị trường và báo cáo ĐHĐCĐ.

2. Cơ sở xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 phấn đấu từ 10% trở lên, đồng thời kiên định mục tiêu ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát khoảng 4,5%. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được triển khai, chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành chủ động, linh hoạt phù hợp với hoàn cảnh mới; mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành năm 2026 khoảng 15%.

3. Định hướng hoạt động năm 2026

Xác định phương châm hành động: “**Đột phá - Phát triển - Hiệu quả - Bền vững**” và tiếp tục quan điểm chỉ đạo, điều hành: “**Sáng tạo - Quyết liệt - Trách nhiệm - Kỷ cương**”, toàn hệ thống VCB tiếp tục nỗ lực thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026
(1). Tổng tài sản	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
(2). Huy động vốn TT1	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
(3). Tín dụng	Tăng ~10% và không vượt quá hạn mức được NHNN giao (13%)
(4). Tỷ lệ nợ xấu	< 1,5%
(5). Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tăng ~5%

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định, phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trên cơ sở ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, diễn biến của thị trường và thực tế hoạt động kinh doanh (nếu có).

Theo đó, VCB tiếp tục thực hiện 6 đột phá và 6 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

(i) *Tiếp tục thực hiện 6 đột phá sau:*

- ✓ *Đột phá về thực thi chiến lược:* Triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược đến năm 2030 và Kế hoạch hành động chuyển đổi theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.
- ✓ *Đột phá về tổ chức và nguồn nhân lực:* Kiện toàn mạng lưới và tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ thích ứng với chuyển đổi số; đẩy nhanh phát triển kỹ năng số toàn diện; từng bước tích hợp trí tuệ nhân tạo trong quản trị điều hành, giám sát rủi ro, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định.
- ✓ *Đột phá về mô hình tăng trưởng và hệ sinh thái:* Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động theo hướng hiệu quả tổng thể, bền vững; phát huy sức mạnh hệ sinh thái VCB; tăng cường liên kết giữa các mảng kinh doanh và giữa Trụ sở chính với Chi nhánh, khai thác tối đa giá trị khách hàng toàn hệ thống.
- ✓ *Đột phá về phát triển khách hàng:* Đẩy mạnh phát triển khách hàng theo hướng đa dạng hóa. Đổi mới cách tiếp cận khách hàng theo hướng chủ động, lấy nhu cầu và vòng đời khách hàng làm trung tâm, nâng cao chất lượng quan hệ, mức độ gắn bó và hiệu quả tổng thể.
- ✓ *Đột phá trong xây dựng sản phẩm và tổ chức bán:* Quyết liệt đổi mới tư duy

phát triển sản phẩm và tổ chức bán theo hướng tích hợp, liên kết và theo chuỗi giá trị, thay cho cách tiếp cận đơn lẻ, rời rạc. Quan tâm đến các sản phẩm, dịch vụ gắn với tài chính bền vững, hài hòa giữa mục tiêu hiệu quả và trách nhiệm xã hội.

- ✓ *Đột phá về cơ chế, chính sách và chuẩn mực quản trị:* Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nội bộ; chuẩn hóa quy định quản trị theo Basel III và thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, làm nền tảng cho phát triển an toàn, bền vững; từng bước triển khai ESG theo thông lệ tốt và phù hợp với điều kiện thực tiễn.
- (ii) *Thực hiện 6 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh*
 - ✓ *Trọng tâm cải thiện huy động vốn:* Xác định bảo đảm an toàn thanh khoản là nhiệm vụ trọng tâm năm 2026. Triển khai các chính sách huy động vốn hiệu quả và sử dụng vốn linh hoạt.
 - ✓ *Trọng tâm quản trị danh mục theo hướng an toàn, hiệu quả:* Tăng cường các giải pháp quản trị rủi ro tín dụng theo danh mục. Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng an toàn và hiệu quả; tăng trưởng có chọn lọc, tăng trưởng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ và NHNN.
 - ✓ *Trọng tâm phát triển thu dịch vụ và hệ sinh thái:* Phần đầu cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập; đẩy mạnh bán chéo sản phẩm. Nâng cao năng lực cung ứng sản phẩm dịch vụ trên kênh số, cải thiện trải nghiệm khách hàng, xây dựng lộ trình khai thác cơ hội tại Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC).
 - ✓ *Trọng tâm xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất:* Coi dữ liệu là tài sản chiến lược, công nghệ lõi là hạ tầng thiết yếu và chuyển đổi số là công cụ trực tiếp phục vụ tăng trưởng kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị; Đẩy nhanh tiến độ các dự án dữ liệu và công nghệ trọng yếu, hoàn thiện kiến trúc dữ liệu thống nhất, bảo đảm dữ liệu chuẩn hóa, kết nối và khai thác hiệu quả trên toàn hệ thống;
 - ✓ *Trọng tâm quản trị rủi ro và an toàn hệ thống:* Tăng cường quản trị rủi ro thanh khoản, tín dụng, hoạt động và rủi ro mới nổi khác; kiểm soát chặt chất lượng tín dụng; ứng dụng các mô hình cảnh báo sớm; tăng cường an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, bảo đảm hệ thống CNTT vận hành an toàn, liên tục.

- ✓ *Trọng tâm tinh gọn tổ chức và nâng cao năng suất:* Tiếp tục triển khai tinh gọn bộ máy sắp xếp mạng lưới, cơ cấu nhân sự; tái cấu trúc các bộ phận tại Trụ sở chính và Chi nhánh theo đúng trọng tâm chiến lược; nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Với nỗ lực, quyết tâm cao của tập thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống, VCB sẽ tập trung nguồn lực, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao trong năm 2026, góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của VCB đến năm 2030./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Căn cứ Khoản 4 Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, Thành viên độc lập HĐQT báo cáo như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

1. Tham gia hoạt động họp của HĐQT

Số buổi họp HĐQT đã tham dự: **11/54** phiên họp (Tham gia các phiên họp thường kỳ tháng và các phiên họp bất thường khác theo quy định).

Tỷ lệ dự họp: **20,4%**

2. Hoạt động khác

Tham gia ý kiến và tư vấn cho HĐQT về chiến lược, mô hình hoạt động, định hướng kinh doanh; công tác quản trị doanh nghiệp; và hoạt động đổi mới sáng tạo;

Quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức quốc tế liên quan đến các mảng công việc được phân công phụ trách;

Tham gia cố vấn chiến lược và định hướng hoạt động cho dự án Xây dựng Chiến lược Đổi mới sáng tạo đến 2025 và định hướng 2030 với vai trò Cố vấn dự án;

Tham gia ý kiến và tư vấn cho UBQLRR với vai trò Thành viên UBQLRR.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Đánh giá về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị theo thẩm quyền, bao gồm định hướng chiến lược, phê duyệt các vấn đề quan trọng và giám sát hoạt động điều hành.

Các quyết nghị của HĐQT được ban hành trên cơ sở thảo luận tập thể, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ.

2. Đánh giá về cơ chế họp và ra quyết định

HDQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường theo nhu cầu quản trị. Tài liệu phục vụ họp được chuẩn bị và cung cấp kịp thời, tạo điều kiện để các thành viên, bao gồm thành viên độc lập, thực hiện quyền xem xét, phản biện và biểu quyết một cách khách quan.

Trong năm 2025, HDQT VCB đã tổ chức họp 54 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 127 nội dung để định hướng chiến lược, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HDQT. Các phiên họp HDQT, các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức đầy đủ, hợp lệ đảm bảo trình tự, thủ tục, thể thức theo quy định.

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HDQT (Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự) tuân thủ theo các quy định của NHNN và pháp luật hiện hành. Các Ủy ban đã tham mưu kịp thời cho HDQT theo từng lĩnh vực, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quy chế tổ chức, hoạt động của từng Ủy ban.

Tôi đánh giá cơ chế ra quyết định của HDQT bảo đảm nguyên tắc tập thể, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

3. Đánh giá về giám sát Người Điều hành

HDQT đã thực hiện chức năng giám sát đối với Người Điều hành thông qua cơ chế báo cáo định kỳ và các phiên họp chuyên đề.

Tôi đánh giá hoạt động giám sát được thực hiện nghiêm túc, góp phần đảm bảo việc điều hành phù hợp với chiến lược và định hướng đã được thông qua.

4. Đánh giá về giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch với bên liên quan đã được xem xét và phê duyệt theo đúng quy định. HDQT thực hiện vai trò kiểm soát nhằm hạn chế xung đột lợi ích và đảm bảo tính công bằng giữa các cổ đông.

Trên cơ sở theo dõi, tôi không ghi nhận trường hợp giao dịch có dấu hiệu gây thiệt hại cho VCB hoặc cổ đông thiểu số.

5. Đánh giá về thù lao và chi phí hoạt động

Việc chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HDQT trong năm được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định hiện hành.

Tôi không ghi nhận dấu hiệu sử dụng nguồn lực quản trị vượt thẩm quyền hoặc không vì lợi ích chung của VCB.

6. Đánh giá kết quả công tác quản trị và giám sát

Năm 2025, kiên định phương châm hành động: **“Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững”** và quan điểm chỉ đạo, điều hành: **“Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”**, trên cơ sở bám sát Chiến lược phát triển VCB đến năm 2030, HĐQT đã xác định hoạt động ngân hàng năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức khi kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế diễn biến không thuận; do đó, công tác quản trị điều hành cần được điều chỉnh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường. Với nỗ lực lớn, trách nhiệm và quyết tâm cao, VCB đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh.

Công tác quản trị ngân hàng được HĐQT đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2025, bao gồm:

- Chỉ đạo toàn hệ thống nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT đã chủ động xây dựng định hướng và thống nhất thông qua các chủ trương chỉ đạo hoạt động năm 2025, đề ra phương châm hành động và quan điểm điều hành kinh doanh năm 2025, thông qua các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản năm 2025 của toàn hệ thống và các chi nhánh; giao chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ công tác và kế hoạch kinh doanh cho các khối, các phòng, ban, trung tâm, đơn vị tại Trụ Sở chính.

- HĐQT đã tổ chức thành công hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm 2025 đến cán bộ chủ chốt toàn hệ thống để quán triệt các văn bản chỉ đạo, chế độ chính sách, kế hoạch hành động, các Chỉ thị của NHNN.

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động điều phối và chỉ đạo kịp thời, sâu sát các nhiệm vụ theo chủ trương, Nghị quyết của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các TV HĐQT trực tiếp tham gia, có ý kiến, chủ trì các hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh doanh khu vực, hội nghị sơ kết và làm việc với các chi nhánh theo phân công để nắm bắt tình hình, giải quyết khó khăn và tham mưu cho HĐQT ban hành định hướng đối với các chi nhánh.

- HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu xây dựng và ban hành, triển khai nhiều quy định, quy chế, chính sách mới nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành, quản lý rủi ro và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các dự án chuyển đổi theo đúng định hướng,

tiến độ đã đề ra, đẩy mạnh chuyển đổi số hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng, đồng thời tiếp tục yêu cầu cụ thể hóa kế hoạch thực hiện, bao gồm các đề xuất về nguồn lực, bộ máy quản trị để triển khai kế hoạch hành động chuyển đổi.

- Tích cực đẩy mạnh công tác an sinh xã hội vì cộng đồng.

7. Đánh giá tổng thể

Hoạt động của HĐQT VCB trong năm 2025 đã được tổ chức, triển khai tuân thủ Điều lệ của VCB, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua. Trong năm 2025, HĐQT VCB tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo toàn hệ thống triển khai đạt các kết quả kinh doanh tích cực, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động. HĐQT đã thể hiện vai trò nổi bật trong việc định hướng chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, có đóng góp tích cực, quan trọng vào kết quả hoạt động chung của VCB.

Từ góc độ thành viên độc lập, tôi nhận định HĐQT trong năm 2025 đã hoạt động đúng vai trò quản trị, tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính minh bạch và hướng đến lợi ích chung của VCB và cổ đông.

Hà nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Vũ Viết Ngoạn

24/7
 NG
 PHÂN
 JNG
 1
 N

PHỤ LỤC 02

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT

VCB có 02 Ủy ban thuộc HĐQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) và pháp luật. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) là bộ phận tham mưu cho HĐQT trong việc tổ chức và giám sát công tác quản lý rủi ro của VCB. Trong năm 2025, UBQLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để đánh giá trạng thái rủi ro tổng thể của VCB và trao đổi nhiều nội dung chuyên đề về quản lý rủi ro. Ngoài ra, UBQLRR thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm với UBQLRR các NHTM tại Việt Nam, cũng như tham khảo thông lệ và kinh nghiệm từ các đối tác trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, UBQLRR kịp thời tham mưu, đề xuất với HĐQT các chính sách, chiến lược, biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

Ủy ban Nhân sự (UBNS) có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB. UBNS đã tích cực, chủ động trong việc tham mưu, đánh giá, đề xuất quy hoạch, bổ nhiệm, quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, kiện toàn mô hình tổ chức theo các Khối và phát triển mạng lưới, nhân sự phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của VCB.

**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải,
Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2025 CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK)

1. Hoạt động kinh doanh

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động phức tạp và khó lường: chính sách thuế quan đối ứng của Hoa Kỳ tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu; xung đột địa chính trị kéo dài; các rủi ro môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, với sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận: tăng trưởng GDP đạt mục tiêu 8%, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm. Hoạt động ngân hàng cũng được triển khai đồng bộ, quyết liệt, đảm bảo thanh khoản hệ thống, lãi suất được điều hành phù hợp với diễn biến vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tín dụng tăng trưởng tích cực.

Trước bối cảnh nhiều thách thức – thuận lợi đan xen, bám sát chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN), quán triệt phương châm hành động **“Đổi mới, hiệu quả, bền vững”** và quan điểm **“Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”** trong chỉ đạo điều hành, toàn hệ thống Vietcombank đã nỗ lực hoàn thành tất cả các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh do NHNN và ĐHCĐ giao; tiếp tục giữ vai trò là “đầu tàu” trong thực thi các giải pháp, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân; duy trì vị thế là Ngân hàng thương mại hàng đầu về năng lực tài chính, tăng trưởng bền vững, an toàn và hiệu quả. Một số kết quả kinh doanh nổi bật của Vietcombank năm 2025:

1. Đến 31/12/2025, tổng tài sản của Vietcombank đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2024.
2. Nguồn vốn huy động đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng, các chỉ số an toàn được đảm bảo. Đến cuối năm 2025, huy động vốn thị trường I đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng trên 10% so với cuối năm 2024, hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHCĐ giao. Trong đó, huy động vốn không kỳ hạn tăng trưởng tốt, đạt trên 13,5%.
3. Dự nợ tín dụng đối với nền kinh tế của Vietcombank duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên,

các động lực tăng trưởng kinh tế. Đến 31/12/2025, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng 15%¹ so với cuối năm 2024, kiểm soát theo mục tiêu được ĐHĐCĐ giao và trong hạn mức được NHNN phê duyệt.

4. Vietcombank tiếp tục là ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hoá lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
5. Chất lượng tín dụng được kiểm soát an toàn, hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp dưới 1%, luôn tốt hơn mặt bằng chung của các TCTD có quy mô lớn và kiểm soát theo mục tiêu của NHNN và ĐHĐCĐ đã giao. Tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu ở mức tốt nhất trong các TCTD quy mô lớn tại Việt Nam.
6. Nhờ thực hiện tốt các giải pháp tăng thu nhập và quản trị chi phí, Vietcombank đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được NHNN, ĐHĐCĐ giao, tiếp tục là Ngân hàng số 1 về lợi nhuận trước thuế với quy mô hợp nhất đạt trên 44 nghìn tỷ đồng, tăng trên 4% so với năm 2024. Các chỉ số hiệu quả sinh lời ROA, ROE của Vietcombank tiếp tục ở mức cao, lần lượt đạt 1,55%; 16,73%.
7. Với những nỗ lực toàn diện, Vietcombank tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam từ S&P, Moody's và Fitch. Đặc biệt, S&P đã nâng xếp hạng nhà phát hành dài hạn lên **BB+**, triển vọng Ổn định – ngang mức tín nhiệm quốc gia – khẳng định nền tảng tài chính vững chắc, chất lượng tài sản cao và mức độ minh bạch hàng đầu hệ thống, đóng góp vào việc nâng cao hình ảnh tín nhiệm của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong mắt các nhà đầu tư quốc tế.

2. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban điều hành Vietcombank đã chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp trên cơ sở bám sát định hướng chỉ đạo của Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm Ngành Ngân hàng. Một số điểm nổi bật trong công tác quản trị điều hành năm 2025 của Vietcombank như sau:

2.1. Triển khai đồng bộ các giải pháp chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh và thực thi hiệu quả các chính sách kinh doanh

8. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh đảm bảo từng trụ cột tăng trưởng bền vững; tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng tín dụng ngành, hạn chế phân bổ vốn vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, tập trung ưu tiên tăng trưởng tín dụng vào những ngành mở rộng và phát triển mạnh mẽ vị thế tạo lập thị trường.
9. Chủ động điều hành nguồn vốn linh hoạt, kịp thời bám sát diễn biến thị trường và định hướng điều hành vĩ mô của NHNN, góp phần ổn định mặt bằng lãi suất, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an toàn hệ thống.

¹ Dư nợ không bao gồm nợ đã bán và nhận ủy thác VCBNeo

2.2. Giữ vững thương hiệu là Ngân hàng an toàn và quản trị rủi ro tốt nhất tại Việt Nam

10. Vietcombank luôn quản trị, giám sát các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng tuân thủ theo đúng quy định của NHNN. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tại 31/12/2025 đạt **11,56%**, cao hơn mức quy định của NHNN (8%), và trên ngưỡng khẩu vị rủi ro (9%) của Vietcombank. Ngân hàng cũng đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết để chỉnh thức áp dụng việc tính vốn theo Basel III phương pháp tiêu chuẩn (Standardized Approach – SA) từ 01/03/2026, tiếp tục khẳng định sự chủ động và sẵn sàng của Vietcombank trong công tác quản trị rủi ro, đồng thời hướng tới các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.
11. Tăng cường công tác kiểm tra và nâng cao hiệu quả công tác giám sát, kiểm toán nội bộ nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro và cảnh báo sớm trong tất cả các mặt hoạt động. Tích cực triển khai giám sát, kiểm soát, phát hiện các giao dịch đáng ngờ, tăng cường thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và kiểm soát rủi ro trong hoạt động thanh toán tuân thủ đúng quy định của pháp luật và NHNN.
12. Thực hiện các giải pháp phát triển kiến trúc và hạ tầng CNTT với khả năng phòng thủ đa tầng, đa lớp, theo chiều sâu; đầu tư các hệ thống CNTT hiện đại, mở rộng khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn để đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, hỗ trợ hệ thống ghi nhận, ngăn chặn và giám sát thành công các dấu hiệu, chiến dịch tấn công nhằm vào các hệ thống tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.
13. Năm 2025, Vietcombank là đại diện ngân hàng duy nhất của Việt Nam được nhận giải thưởng “Sáng kiến Quản lý rủi ro của năm” do Tạp chí Asian Banking and Finance (Singapore) trao tặng.

2.3. Phát triển hành trình chuyển đổi số vượt trội và sáng tạo, gắn với mục tiêu vận hành thông minh, đem đến những trải nghiệm độc đáo và khác biệt cho khách hàng

14. Vietcombank đã bám sát và hoàn thành 5 mục tiêu chuyển đổi số ngành ngân hàng theo Quyết định 810/QĐ-NHNN ngày 11/05/2021 về kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
15. Vietcombank là Ngân hàng tiên phong trong phối hợp với C06 – Bộ Công an triển khai đồng bộ giải pháp xác thực điện tử với VNeID và căn cước công dân gắn chip trên đa kênh, hoàn thiện xác thực sinh trắc học cho khoảng **15 triệu** khách hàng cá nhân và đổi chiều thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp cho hơn khoảng **250 nghìn** hồ sơ khách hàng tổ chức, góp phần nâng cao mức độ an toàn, minh bạch và tuân thủ pháp luật trong hoạt động ngân hàng.
16. Vietcombank là một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai VietQR Global thanh toán song phương Việt – Trung; Là ngân hàng đầu tiên cho phép ký số trực tiếp trên Digibank, áp dụng cho giải ngân trực tuyến và giao dịch tại quầy.
17. Đặc biệt trong lĩnh vực y tế, Vietcombank đã triển khai giải pháp số hóa tại

- gần 600 bệnh viện, hỗ trợ thanh toán trực tuyến viện phí qua POS, QR code, ví điện tử, mobile banking, đồng thời cung cấp hệ thống định danh và xác thực điện tử cho bệnh viện và bệnh nhân.
18. Tiên phong triển khai giải pháp giải ngân trực tuyến dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp (VCB Online Lending). Năm 2025 hệ thống ghi nhận hơn 6.000 khách hàng đã giải ngân online. Đây là bước đột phá, giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và trải nghiệm quy trình vay vốn hiện đại, nhanh chóng, an toàn.
 19. Vietcombank đã xây dựng được Hệ sinh thái ngân hàng số toàn diện với hơn 1.700 đối tác đa ngành, đáp ứng hầu hết nhu cầu tài chính của khách hàng, khẳng định vị thế ngân hàng số hóa toàn diện hàng đầu Việt Nam.
 20. Đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa quy trình bằng công nghệ **Robotic Process Automation (RPA)**, **trí tuệ nhân tạo (AI)** và **học máy (Machine Learning)** trong các khâu nghiệp vụ trọng yếu, góp phần chuẩn hóa quy trình, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp thủ công, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ. Trong năm 2025, Vietcombank đã phát triển và triển khai 199 ứng dụng RPA tại 60 đơn vị, hỗ trợ cải tiến 150 Quy trình/Công việc, gia tăng mức độ tự động hóa và chuẩn hóa hoạt động trên toàn hệ thống. Song song với quá trình này, Ngân hàng đã nghiên cứu, phát triển và ứng dụng **AI và Machine Learning** trong phát triển kinh doanh và quản trị rủi ro, từ phân tích khách hàng tiềm năng đến phát hiện gian lận và an toàn kho quỹ.
 21. Vị thế tiên phong trong chuyển đổi số tiếp tục được khẳng định với 5 giải pháp đạt giải thưởng Sao Khuê 2025 gồm **VCB Digibank, VCB iCare, VCB Online Lending, VCB CashUp Mobile, VCB Tablet** mang tính đột phá trong nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng không gian trải nghiệm không giới hạn cho khách hàng. Trong đó, **VCB Tablet** là 1 trong 3 giải pháp xuất sắc nhất, đồng thời là sản phẩm duy nhất của Việt Nam lọt vào vòng chung kết hạng mục Digital Innovation (Đổi mới sáng tạo số) tại ASEAN Digital Awards 2026.

2.4. Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo hướng “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao

22. Từng bước tái cấu trúc mô hình tổ chức của Chi nhánh, thu hẹp quy mô đối với các Chi nhánh hoạt động không hiệu quả; rà soát, sắp xếp bộ máy, kiện toàn mô hình tổ chức các đơn vị Trụ sở chính theo hướng tinh giản, sáp nhập một số đơn vị có chức năng nhiệm vụ tương đồng nhằm hạn chế chồng chéo và nâng cao hiệu quả hoạt động.
23. Hoàn thiện thủ tục kiện toàn, bổ sung nhân sự lãnh đạo cấp cao: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Vietcombank, các Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Kiểm soát.

24. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết. Tại giải thưởng HR Asia Awards, Vietcombank xuất sắc nhận được cả 05/05 hạng mục trao giải của Ban Tổ chức, gồm 01 giải thưởng chính “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á”. Năm 2025 cũng đánh dấu cột mốc 10 năm liên tiếp Vietcombank được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” theo Bảng xếp hạng của Công ty Anphabe.

2.5. Giữ vững vị thế tiên phong trong lĩnh vực tài chính bền vững, tích hợp sâu sắc các yếu tố ESG vào chiến lược kinh doanh và vận hành

25. Vietcombank chủ động tiếp cận các nguồn vốn/chương trình tín dụng xanh từ các tổ chức trong và ngoài nước. Trong năm 2025, dư nợ tín dụng xanh tại Vietcombank đạt gần 43 nghìn tỷ đồng.

26. Ngày 18/12/2025, Vietcombank đã phát hành thành công 2 nghìn tỷ đồng Trái phiếu bền vững với kỳ hạn 2 năm để tài trợ các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trước đó, trong năm 2024, Vietcombank đã phát hành thành công 2 nghìn tỷ đồng Trái phiếu xanh theo quy định pháp luật Việt Nam và theo chuẩn quốc tế. Hành trình phát hành thành công liên tiếp Trái phiếu xanh và Trái phiếu bền vững tiếp tục hiện thực hóa chiến lược huy động vốn của Vietcombank gắn với phát triển bền vững, tài chính xanh và trách nhiệm xã hội trong trung và dài hạn.

27. Năm 2025, Vietcombank cũng đưa vào vận hành tuyến xe bus điện nội bộ Vietcombank Green Bus phục vụ cán bộ TSC tại địa bàn Hà Nội. Đây là một dấu mốc quan trọng trong hành trình hướng đến sự phát triển bền vững, vì cộng đồng của Vietcombank, góp phần lan tỏa lối sống xanh.

2.6. Phát huy tốt vai trò chủ lực, chủ đạo trong ngành ngân hàng và thể hiện trách nhiệm với cộng đồng

28. Tiếp tục khẳng định vai trò là ngân hàng chủ lực trong thu xếp vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, tiêu biểu là hợp đồng tín dụng hơn 1 tỷ USD cho chuỗi dự án khí – điện Lô B – Ô Môn, hướng đến đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển hạ tầng điện dài hạn.

29. Đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam thông qua tổ chức 2 Hội nghị quy mô lớn: Hội nghị Vietcombank FDI Leadership và Hội nghị Vietcombank với đối tác hàng đầu, qua đó thúc đẩy gắn kết chặt chẽ giữa các khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI, thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

30. Vietcombank đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp

đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước với mức đóng góp năm 2025 ~ **15,3** nghìn tỷ đồng.

31. Tập trung cung ứng vốn cho các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế. Đến hết 2025, tín dụng cung cấp cho các lĩnh vực ưu tiên đạt **538** nghìn tỷ đồng, chiếm **32%** tổng danh mục.
32. Triển khai nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa với quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Vietcombank cam kết tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội tại nhiều địa phương trên cả nước, tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, hỗ trợ vùng xa xôi hẻo lánh... Trong năm 2025, Vietcombank và tập thể người lao động đã hỗ trợ các tỉnh, thành phố bị thiệt hại do bão, lũ gây ra tại **13** tỉnh với số tiền **45,4** tỷ đồng.
33. Tập trung triển khai đồng loạt các giải pháp hỗ trợ toàn diện đối với mọi mặt hoạt động của VCBNeo, vượt kế hoạch được phê duyệt tại phương án chuyển giao.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026

Một số chỉ tiêu chính	Kế hoạch 2026
(1) Tổng tài sản	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
(2) Huy động vốn TTI	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
(3) Tín dụng	Tăng ~ 10% và không vượt quá hạn mức được NHNN giao (13%)
(4) Tỷ lệ nợ xấu	< 1,5%
(5) Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tăng ~ 5%

Các giải pháp chủ đạo:

1. Chính sách huy động linh hoạt, bám sát thị trường; bảo đảm an toàn thanh khoản, đa dạng hóa nguồn vốn nhằm sẵn sàng cho tăng trưởng tín dụng và tối ưu chi phí vốn tổng thể.
2. Chuyển dịch cơ cấu tín dụng và quản trị danh mục theo định hướng hiệu quả, bền vững, kiểm soát rủi ro; tăng trưởng có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và sản xuất kinh doanh.
3. Phát triển đa dạng các mảng thu dịch vụ, tăng thu dịch vụ nhờ chuyển đổi số toàn trình, phấn đấu cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập; đẩy mạnh bán chéo sản phẩm; coi kết nối và mở rộng hệ sinh thái của Vietcombank với các hệ sinh thái đối tác là nhiệm vụ trọng tâm.

4. Xây dựng dữ liệu nền tảng và thúc đẩy chuyển đổi số thực chất, coi dữ liệu là tài sản chiến lược, công nghệ lõi là hạ tầng thiết yếu và chuyển đổi số là công cụ trực tiếp phục vụ tăng trưởng kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị.
5. Tăng cường công tác quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn hệ thống.
6. Tiếp tục triển khai tinh gọn tổ chức, sắp xếp mạng lưới, cơ cấu nhân sự và nâng cao năng suất, hiệu quả. *HLB*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Quang Vinh

**NGÂN HÀNG TMCP
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Căn cứ: (i) Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/06/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 27/06/2025 (“Luật các TCTD”); (ii) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”, “Ngân hàng”) được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 26/04/2025 (“Điều lệ Vietcombank”); (iii) Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Vietcombank (“BKS”) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/08/2024 (“Quy chế BKS Vietcombank”), BKS kính báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của BKS

- BKS đã được kiện toàn với 05 thành viên từ kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 26/04/2025 và không thay đổi trong 06 tháng cuối năm 2025. Thành viên BKS hiện nay gồm: bà Đinh Thị Thái (Trưởng BKS), bà Trần Mỹ Hạnh (kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ), bà Đỗ Thị Mai Hương, bà Trương Thị Diệu Quế và ông Trần Sỹ Mạnh.

- Cơ cấu các đơn vị trực thuộc BKS đã được kiện toàn theo định hướng tinh gọn bộ máy: Theo Quyết định số 1817/QĐ-VCB-BKS ngày 12/08/2025, từ ngày 14/08/2025, Phòng Giám sát hoạt động chấm dứt hoạt động, sáp nhập vào Phòng Kiểm toán nội bộ, toàn bộ nhân sự và chức năng nhiệm vụ của Phòng Giám sát hoạt động được chuyển về Phòng Kiểm toán nội bộ. Do vậy, Phòng Kiểm toán nội bộ hiện nay thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ và tham mưu, giúp việc cho BKS trong các hoạt động giám sát thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định của pháp luật, Điều lệ Vietcombank, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

2. Các phiên họp của BKS và kết luận, kiến nghị của BKS

Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 12 phiên họp định kỳ hàng tháng. Các phiên họp do Trưởng BKS triệu tập, có sự tham dự đầy đủ các thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập và lưu giữ đầy đủ theo quy định. Nội dung các phiên họp bám sát định hướng hoạt động của BKS trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Thông qua hoạt động giám sát và kiểm toán nội bộ, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị (“HĐQT”, Ban Điều hành (“BDH”) nhằm tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Vietcombank. Việc đưa ra các ý kiến tham vấn/kiến nghị của BKS luôn đảm bảo tính độc lập, khách quan, không can thiệp, làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH. Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, BDH nghiêm túc xem xét, tiếp thu và chỉ đạo triển khai kịp thời.

3. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS

Chi phí hoạt động của BKS được thực hiện theo các quy định nội bộ của Vietcombank. Mức thù lao năm 2025 đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS đã chỉ là 0,074% lợi nhuận hợp nhất sau thuế, trong phạm vi được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 (tối đa 0,15% lợi nhuận hợp nhất sau thuế). Mức chi cụ thể được công bố tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Vietcombank.

4. Kết quả hoạt động của các Thành viên BKS

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Vietcombank ban hành theo Quyết định số 1551/QĐ-VCB-BKS ngày 19/08/2024 (Quyết định 1551), BKS làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong BKS. Trong phạm vi chức trách và nhiệm vụ được phân công, các Thành viên BKS đã hoàn thành tốt các kế hoạch, chương trình công tác năm do BKS xây dựng với tinh thần trách nhiệm; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định; luôn sát sao trong việc định hướng, chỉ đạo đơn vị thuộc BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Kết quả hoạt động của BKS

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Luật Các TCTD và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, cũng như Điều lệ Vietcombank và các quy định nội bộ khác; góp phần hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của nhiệm kỳ giám sát.

5.1. Về giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Vietcombank; giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Vietcombank

5.1.1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Vietcombank

BKS Vietcombank thường xuyên giám sát việc xây dựng, rà soát và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Vietcombank đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được ĐHĐCĐ thông qua; và giám sát các định hướng, kế hoạch triển khai do HĐQT Vietcombank ban hành.

Trong năm 2025, Vietcombank đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) và các cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính bám sát các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối của Chính phủ và NHNN, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể: (i) Phê duyệt và giao kế hoạch kinh doanh cho các Chi nhánh, các đơn vị tại Trụ sở chính và Công ty thành viên; phê duyệt kế hoạch ngân sách toàn Ngân hàng; (ii) Triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động; (iii) Tiếp tục xây dựng và triển khai các phương án tăng vốn điều lệ thông qua chỉ trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu riêng lẻ nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng cấp tín dụng, cung ứng vốn an toàn, hiệu quả cho nền kinh tế thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng, giữ ổn định mặt bằng lãi suất theo đúng định hướng; (iv) Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; chú trọng đầu tư tín dụng vào các dự án, công trình trọng điểm khả thi phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, ưu tiên định hướng tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, các ngành phát triển bền vững, tăng trưởng xanh; (v) Tiếp tục thực hiện các chính sách, giải pháp để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế; (vi) Phối hợp với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước công dân, Bộ Công an (Trung tâm RAR) về giải pháp ứng dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trong đánh giá khách hàng vay nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cấp tín dụng đồng thời tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; (vii) Chủ động triển khai, tăng cường hoạt động kết nối ngân hàng – doanh nghiệp; (viii) Tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định mặt bằng lãi suất tiền gửi, tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các giải pháp khác để tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; (ix) Chủ động tổ chức triển

khai các nội dung theo Phương án chuyển giao bắt buộc và đảm bảo hoạt động an toàn, liên tục của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số (VCBNeo).

Nhìn chung, Vietcombank đã nghiêm túc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và các nhiệm vụ khác theo định hướng, chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và theo phê duyệt của ĐHDCĐ Vietcombank.

5.1.2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Vietcombank

Về cơ bản, Vietcombank đã tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ, đảm bảo hoạt động an toàn và ổn định. Kết thúc năm 2025, Vietcombank đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính trọng yếu, cụ thể:

- Tổng tài sản đạt ~2,4 triệu tỷ đồng, tăng ~17% so với cuối năm 2024, hoàn thành vượt mức mục tiêu chiến lược đã đề ra cho năm 2025.
- Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 1,7 triệu tỷ đồng, tăng trên 10% so với năm 2024, hoàn thành kế hoạch năm 2025. Huy động vốn được điều tiết phù hợp với tăng trưởng tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tuân thủ đầy đủ các chỉ số an toàn.
- Dự nợ tín dụng đạt ~1,7 triệu tỷ đồng, tăng ~15% so với năm 2024, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phục hồi kinh tế. Vietcombank tích cực trong triển khai các chương trình hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, rà soát và tăng trưởng tín dụng theo hướng thận trọng, an toàn.
- Tỷ lệ nợ xấu cho vay nền kinh tế tại cuối năm 2025 ở mức ~0,97%.
- Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN¹ tại cuối năm 2025 ở mức ~0,81%, kiểm soát hiệu quả trong mức kế hoạch năm 2025 NHNN giao (<1,5%).
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 đạt ~44,02 nghìn tỷ đồng, tăng trên 4% so với năm 2024, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2025 ĐHDCĐ giao.
- Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ cả năm 2025 đạt ~43,1 nghìn tỷ đồng, tăng trên 4% so với cùng kỳ năm 2024, hoàn thành 100% kế hoạch NHNN giao năm

¹ Thông tư 31/2024/TT-NHNN ngày 30/06/2024 của NHNN quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 thay thế Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

2025.

- Chỉ số hiệu quả ROA, ROE ước thực hiện đạt 1,55% và 16,73%, ở mức cao so với các ngân hàng thương mại nhà nước.

- Các công ty con hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Vietcombank và đều có lãi, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động chung của hệ thống, trong đó riêng VCBNeo đã đảm bảo duy trì hoạt động an toàn, ổn định, từng bước cải tổ bộ máy quản trị điều hành và phục hồi kinh doanh, kết quả kinh doanh năm đầu sau chuyển giao đảm bảo không những không lỗ theo kế hoạch xây dựng tại Phương án chuyển giao bắt buộc mà còn đạt mức lãi cao so với các TCTD cùng quy mô tương đương.

- Các tỷ lệ an toàn của Vietcombank đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chuẩn của Basel II. Tỷ lệ an toàn vốn của Vietcombank theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN đạt 11,56%, cao hơn mức quy định của NHNN (8%) và trên ngưỡng khẩu vị rủi ro (9%) của Vietcombank.

5.2. Về giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD), người điều hành khác; việc thực hiện quyền, chức trách của Người đại diện phần vốn nhà nước tại Vietcombank

5.2.1. Về thực hiện quyền, chức trách của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank

Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank thực hiện quyền, chức trách theo quy định tại Quyết định 1500/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021 (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 2192/QĐ-NHNN ngày 27/05/2025), Luật các TCTD và các quy định pháp luật có liên quan. Trong năm 2025, Người đại diện phần vốn Nhà nước đã thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của NHNN; báo cáo, trình NHNN xem xét, có ý kiến trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định đối với các nội dung: Báo cáo việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 của Vietcombank theo phê duyệt của NHNN; thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và đề xuất mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; điều chỉnh bảng lương vị trí công việc đối với thành viên HĐQT, BKS; phương án đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại Vietcombank thông qua chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; báo cáo nhu cầu tăng vốn điều lệ của Vietcombank giai đoạn 2026-2030; kiện toàn nhân sự cấp cao tại Vietcombank (thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD),...

5.2.2. Về thực hiện quyền, nghĩa vụ của HĐQT, TGD, người điều hành khác

Trong năm 2025, HĐQT, TGD, người điều hành khác của Vietcombank đã

thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ Vietcombank và các quy định có liên quan.

HĐQT Vietcombank đã trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ về định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025 của Vietcombank; việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ; công tác kiện toàn nhân sự và mức thù lao đối với HĐQT và BKS; phương án tăng vốn điều lệ; phương án phân phối lợi nhuận; phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định. HĐQT đã thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung về định hướng kế hoạch; chủ trương nhân sự, cơ cấu tổ chức, mạng lưới; các khoản tín dụng, đầu tư mua sắm, hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietcombank.

TGD đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong việc xây dựng, trình HĐQT phê duyệt và tổ chức triển khai kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính bám sát nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN; thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; quyết định các nội dung điều hành hoạt động kinh doanh theo thẩm quyền; thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát hợp lý; ban hành các quy định nội bộ, quy trình tác nghiệp để vận hành, điều hành kinh doanh; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Những người điều hành khác đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong việc xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh được cấp có thẩm quyền giao; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý, điều hành theo quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Kết quả thẩm định của BKS về Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT ghi nhận báo cáo phản ánh hợp lý, đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 288 Nghị định 155², số liệu tình hình hoạt động kinh doanh tại báo cáo của HĐQT và TGD phù hợp số liệu Báo cáo tài chính được kiểm toán.

5.3. Về giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Vietcombank

Trong năm 2025, Vietcombank đã triển khai các nhiệm vụ cần thiết nhằm tuân thủ quy định tại quy chế Kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế quản trị nội bộ và cơ chế báo cáo, cụ thể:

² Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán

5.3.1. Về giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ

- Trong năm 2025, BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát của BKS thông qua việc giám sát các nội dung công việc quan trọng của Kiểm toán nội bộ, bao gồm:

(i) Về cơ cấu tổ chức: BKS Vietcombank đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức bộ máy thuộc BKS, sáp nhập Phòng Giám sát hoạt động vào Phòng Kiểm toán nội bộ, tái bổ nhiệm và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng Kiểm toán nội bộ sau sáp nhập theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Vietcombank;

(ii) Về quy định nội bộ: Năm 2025, BKS đã phê duyệt ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ và Quy trình Kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo đáp ứng các quy định tại Luật các TCTD, các chuẩn mực, thông lệ quốc tế liên quan; đồng thời phù hợp với mô hình tổ chức mới và thực tiễn triển khai;

(iii) Về tổ chức triển khai và thực hiện giám sát cấp cao đối với hoạt động Kiểm toán nội bộ: Căn cứ quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Quy chế tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ và các định hướng chỉ đạo của NHNN, BKS đã phê duyệt ban hành/điều chỉnh kế hoạch Kiểm toán nội bộ hàng năm sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT, TGD; đồng thời phân công các thành viên BKS giám sát Kiểm toán nội bộ trong việc triển khai các đoàn kiểm toán theo kế hoạch; phê duyệt Báo cáo kiểm toán và gửi HĐQT, TGD để xử lý, khắc phục các tồn tại, sai sót theo các kiến nghị của BKS;

(iv) Các nội dung giám sát khác đối với Kiểm toán nội bộ: BKS đã thực hiện giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS, của Kiểm toán viên nội bộ và đánh giá tính hiệu quả của hoạt động Kiểm toán nội bộ, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Kiểm toán nội bộ, đánh giá việc kiểm soát chất lượng Kiểm toán nội bộ làm cơ sở định hướng và quản lý hoạt động Kiểm toán nội bộ. Thông qua công tác giám sát của BKS đối với hoạt động Kiểm toán nội bộ, chất lượng và hiệu quả hoạt động kiểm toán liên tục được cải thiện và nâng cao, đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ nguyên tắc, phạm vi, nội dung, vai trò, chức năng, quyền và nghĩa vụ của Kiểm toán nội bộ cũng như chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ kiểm toán đồng thời chuyển dịch dần sang định hướng kiểm toán quản trị và kiểm toán hiệu quả, kiểm toán liên tục và kiểm toán hệ thống phù hợp với điều kiện tình hình mới.

- Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2025 được BKS phê duyệt tại Quyết định 2415/QĐ-VCB-BKS ngày 12/12/2024 và báo cáo NHNN tại Công văn 23423/VCB-BKS-KToNB ngày 23/12/2024. Theo đó, tổng số cuộc kiểm toán

chính thức là 28 cuộc bao gồm 06 cuộc kiểm toán thực hiện theo quy định của NHNN/cam kết của Vietcombank³ và 22 cuộc kiểm toán thực hiện theo kết quả đánh giá rủi ro và quy định của Vietcombank. Trong năm, Vietcombank đã hoàn thành toàn bộ 28/28 cuộc kiểm toán theo kế hoạch và hoàn thành bổ sung 01 cuộc kiểm toán theo kế hoạch dự phòng. Các đoàn kiểm toán trong năm 2025 đã hoàn thành đúng tiến độ với chất lượng tốt. Kết quả Kiểm toán nội bộ đã nhận diện được một số tồn tại, sai sót, rủi ro trong hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của Ngân hàng, đề xuất các kiến nghị nhằm cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao ý thức quản trị rủi ro của các đơn vị trong hệ thống Vietcombank, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động của Ngân hàng an toàn, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ, chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Công tác đôn đốc, theo dõi việc thực hiện kiến nghị Kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán bên ngoài được triển khai nghiêm túc, hiệu quả. HĐQT, TGD và các đơn vị, bộ phận trong Ngân hàng đã thực hiện tốt cơ chế phối hợp chặt chẽ với BKS, Phòng Kiểm toán nội bộ trong công tác triển khai kiểm toán, tổ chức thực hiện và theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS, Phòng Kiểm toán nội bộ. Công tác quản lý chất lượng hoạt động kiểm toán từng bước được cải thiện thông qua việc giám sát chặt chẽ, theo dõi sát sao tiến độ kiểm toán cũng như kiểm soát chất lượng báo cáo của các đoàn kiểm toán. Trong tháng 05/2025, Ban Kiểm soát Vietcombank đã tổ chức đào tạo, tập huấn tập trung cho toàn bộ đội ngũ cán bộ của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ nhằm cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho cán bộ kiểm toán, đáp ứng tuân thủ quy định về năng lực và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ kiểm toán. Vietcombank cũng đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Xu hướng phát triển của Kiểm toán nội bộ trong năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến khoa học theo kế hoạch. Trong năm 2025, Phòng Kiểm toán nội bộ tích cực tham gia, hỗ trợ BKS triển khai Dự án Nâng cao năng lực và chuyển đổi hoạt động của BKS, trong đó tập trung vào công tác chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ theo các thông lệ quốc tế, 14 sáng kiến đã được triển khai trong năm 2025 và tiếp tục triển khai 09 sáng kiến trong năm 2026.

5.3.2. Về giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro

Trong năm 2025, Vietcombank tiếp tục thực hiện quản lý chặt chẽ các loại

³ Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2023/TT-NHNN ngày 28/07/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng chống rửa tiền; tuyên bố của Vietcombank v/v đáp ứng Basel II và Chính sách kiểm soát an toàn thông tin đối với các khách hàng của SWIFT.

rủi ro trọng yếu của Ngân hàng phù hợp với quy định của NHNN và quy định nội bộ. HĐQT đã tổ chức và giám sát các hoạt động quản lý rủi ro (QLRR) của Vietcombank, TGD đã chỉ đạo triển khai kịp thời các chiến lược, chính sách, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT liên quan đến hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR và Hội đồng rủi ro tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, đề xuất đối với HĐQT/TGD trong việc giám sát, quản lý trạng thái rủi ro của Ngân hàng ở ngưỡng an toàn, tuân thủ quy định của NHNN.

Hệ thống QLRR với mô hình ba tuyến bảo vệ được tổ chức và vận hành tương đối đầy đủ; các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các chính sách, quy định nội bộ, khẩu vị rủi ro, giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn cơ bản được tuân thủ theo quy định của NHNN và quy định nội bộ của Vietcombank. BKS đề nghị tiếp tục tăng cường công tác cảnh báo sớm và kiểm soát rủi ro tại các đơn vị kinh doanh.

5.3.3. Về giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ cơ chế báo cáo và quy chế quản trị nội bộ khác

- Tuân thủ cơ chế báo cáo: Các đơn vị tại Vietcombank đã triển khai thực hiện cơ chế báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó tập trung vào các báo cáo trọng yếu theo quy định tại Thông tư 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 11/2018/TT-NHNN ngày 17/04/2018, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại... Đồng thời, cơ chế báo cáo nội bộ từ các đơn vị lên Ban Lãnh đạo cấp cao và giữa các đơn vị trong hệ thống 03 tuyến bảo vệ của Ngân hàng được thiết kế và lồng ghép trong các văn bản quy định, quy trình, hướng dẫn của từng mảng nghiệp vụ kinh doanh cũng như quản lý rủi ro, tài chính kế toán, công nghệ thông tin. Công tác báo cáo được tổ chức triển khai đồng bộ và vận hành thông suốt, việc tự động hóa được chú trọng, tăng cường sự hỗ trợ từ hệ thống phần mềm công nghệ giúp truyền tải đầy đủ, kịp thời các thông tin về hoạt động của Ngân hàng tới Ban Lãnh đạo cấp cao, hỗ trợ hiệu quả công tác giám sát, quản trị, điều hành để ra quyết định kịp thời, hiệu quả; đồng thời giúp các đơn vị tạo được luồng phối hợp nhịp nhàng để vận hành hoạt động kinh doanh thông suốt.

- Tuân thủ quy chế quản trị nội bộ: HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và ban hành đầy đủ Nghị quyết/Quyết định/Biên bản họp theo quy định tại: (i) Quy chế quản trị nội bộ Vietcombank ban hành theo Quyết định 1579/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 và Quyết định 989/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025; (ii) Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT ban hành theo Quyết định 1569/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 và Quyết định 979/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025.

Các ủy ban giúp việc cho HĐQT (Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự) tiếp tục thực hiện đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của các Ủy ban. Bên cạnh đó, cơ chế quản trị nội bộ của Ngân hàng được thiết lập và vận hành theo quy định pháp luật và các quy chế nội bộ đã ban hành (Quy chế Hệ thống kiểm soát nội bộ ban hành kèm theo Quyết định 2596/QĐ-VCB-HĐQT ngày 28/12/2018). Việc phân công, phân cấp, ủy quyền giữa HĐQT, BDH và các đơn vị chức năng cơ bản được thực hiện theo quy định; cơ chế phối hợp giữa HĐQT, BKS và BDH được duy trì, phục vụ công tác quản trị, điều hành và giám sát hoạt động của Ngân hàng.

5.4. Về giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính

BKS Vietcombank luôn chủ động, nghiêm túc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Luật các TCTD trong việc:

- Giám sát hoạt động tài chính kế toán thông qua việc rà soát các văn bản về chính sách, chế độ tài chính – kế toán và xem xét, đánh giá công tác quản lý tài chính của Vietcombank. Trong năm 2025, Vietcombank đã chủ động theo dõi và cập nhật các quy định mới của pháp luật để ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống trên các lĩnh vực hạch toán kế toán, thuế, tài chính và quản lý tài khoản⁴; ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật mới về thuế, hóa đơn⁵. Kết quả rà soát quy định của Vietcombank về văn bản kế toán ghi nhận: (i) Vietcombank đã ban hành đầy đủ văn bản quy định nội bộ theo các nội dung, công tác kế toán quy định tại Luật Kế toán; (ii) Nội dung quy định nội bộ Vietcombank về cơ bản được cập nhật, xây dựng và ban hành đảm bảo nguyên tắc phù hợp các quy định của Luật các TCTD, quy định của NHNN, các quy định pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn khác có liên quan như: chế độ báo cáo tài chính, hệ thống tài khoản, công tác hóa đơn điện tử/thuế...

- Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Vietcombank; báo cáo ĐHCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Cụ thể, trong năm 2025 và đầu năm 2026, BKS đã thực hiện thẩm định Báo cáo giữa niên độ năm 2025 và Báo cáo tài chính năm

⁴ Ban hành mới/sửa đổi bổ sung văn bản hướng dẫn quy chế tài chính để kịp thời cập nhật quy định tại Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Vệ sinh an toàn lao động

⁵ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15; Nghị định 70/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn, chứng từ điện tử; Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định 230/2025/NĐ-CP về chính sách miễn giảm thuế, giảm tiền thuế đất

2025 của Vietcombank. Kết quả thẩm định xác nhận Báo cáo giữa niên độ năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30/06/2025 và ngày 31/12/2025. Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Một số tồn tại, sai sót (không trọng yếu) đã được BKS có ý kiến với HĐQT, BDH để rút kinh nghiệm và khắc phục kịp thời.

5.5. Kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

Theo Quy chế tài chính của Vietcombank, các dự án đầu tư mua sắm có giá trị từ 45 tỷ đồng trở lên đến dưới 20% vốn điều lệ của Vietcombank thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Các hồ sơ trình phê duyệt dự án đầu tư mua sắm tài sản thuộc thẩm quyền HĐQT đều được chuyển tới BKS xem xét, đưa ra ý kiến tham vấn độc lập về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, các yêu cầu nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Vietcombank. Trong năm 2025, tại Vietcombank không phát sinh hợp đồng, giao dịch mua, bán và hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ hay có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu; qua công tác kiểm toán, giám sát chưa phát hiện hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường. BKS thường xuyên chỉ đạo thực hiện việc kiểm toán, rà soát, đánh giá đối với công tác đầu tư mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ để khắc phục kịp thời những tồn tại hạn chế, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và tuân thủ quy định trong công tác đầu tư mua sắm.

Kết quả giám sát ghi nhận việc thông qua các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền HĐQT được 100% thành viên HĐQT nhất trí thông qua và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định. Ngoài một số dự án chậm tiến độ do còn một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến nhiều bên được Vietcombank đang nỗ lực phối hợp giải quyết để đẩy nhanh tiến độ dự án, hầu hết các dự án đều đã được triển khai và hoàn thành đúng tiến độ được phê duyệt.

5.6. Về giám sát hợp đồng, giao dịch của Vietcombank với các bên có liên quan; Giám sát việc chấp hành quy định về thực hiện quyền, nghĩa vụ của Vietcombank trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết.

5.6.1. Về giám sát hợp đồng, giao dịch của Vietcombank với các bên có liên quan

Trong năm 2025, các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan của Vietcombank⁶ đều được HĐQT xem xét thông qua theo quy định tại Điều 75 Điều lệ Vietcombank và đã được Vietcombank công bố thông tin theo quy định. Vietcombank không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào yêu cầu BKS về việc xem xét sổ sách kế toán, tài liệu hoặc yêu cầu kiểm tra liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Vietcombank.

5.6.2. Giám sát việc chấp hành quy định về thực hiện quyền, nghĩa vụ của Vietcombank trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết

BKS đã thực hiện giám sát việc chấp hành quy định về thực hiện quyền, nghĩa vụ của Vietcombank trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết. Kết quả giám sát ghi nhận năm 2025, về cơ bản, Vietcombank đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Vietcombank trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết. Các nội dung được phê duyệt phù hợp quy định về thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

5.7. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên

Kể từ thời điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (26/04/2025) đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, nhân sự thành viên HĐQT, BKS có một số thay đổi như sau:

- Ông Shojiro Mizoguchi - Thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028⁷.
- Ông Kohei Matsuoka - Ứng viên điều hành Ngân hàng Mizuho kiêm đồng Trưởng phòng Quản lý kinh doanh khu vực châu Á tại Phòng Điều phối CIB toàn cầu, Trụ sở chính Ngân hàng Mizuho được ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028⁸.
- Bà Hoàng Thanh Nhân – nguyên Tổng biên tập Thời báo Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước được ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028⁸.
- Ông Trịnh Ngọc An - Thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua việc

⁶ Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank Tower, Công ty liên doanh TNHH Vietcombank – Bonday – Benthánh, Ngân hàng Mizuho Bank Ltd, Công ty TNHH Tài chính Việt Nam, Ngân hàng thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số, Ngân hàng Mizuho Bank Ltd, CTCP May Phương Đông, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, Ngân hàng TNHH MTV Ngoại thương Việt Nam tại Lào, Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Vietcombank, Công ty chuyển tiền Vietcombank

⁷ Theo Nghị quyết 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 của ĐHĐCĐ thường niên tháng 04 năm 2025

miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028⁸.

- Ông Trần Sỹ Mạnh - Trưởng phòng Kế hoạch, Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được ĐHĐCĐ thông qua việc bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028⁸.

Thông tin về nhân sự thành viên HĐQT, BKS, TGD và người có liên quan của các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGD đã được theo dõi, cập nhật đầy đủ, đúng quy định.

6. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông

HĐQT, TGD và BKS duy trì cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong quá trình quản trị, điều hành. BKS được mời tham gia đầy đủ và có ý kiến tham vấn độc lập tại các phiên họp của HĐQT và một số phiên họp quan trọng của BDH; được tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận thông tin, báo cáo, cung cấp kịp thời thông tin phục vụ công tác giám sát theo quy định. HĐQT/BDH đã phối hợp với BKS, Phòng Kiểm toán nội bộ trong công tác giám sát và kiểm toán nội bộ, nghiêm túc xem xét, tiếp thu và triển khai phù hợp các ý kiến, kiến nghị của BKS.

7. Quyền lợi của các cổ đông và việc giám sát của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 theo đúng nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và ý kiến chấp thuận của NHNN.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty được lựa chọn thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của Vietcombank cho năm tài chính 2026 theo nguyên tắc đã được ĐHĐCĐ phê duyệt đúng thời hạn quy định, đảm bảo tuân thủ điều kiện theo quy định pháp luật liên quan.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BKS

Trong năm 2026, BKS tiếp tục triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; đồng thời thực hiện các công việc theo kế hoạch, định hướng đã được phê duyệt. Trọng tâm công tác của BKS trong năm 2026 tập trung vào các nội dung chính sau:

- Tiếp tục thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng thông qua việc rà soát, có ý kiến tham vấn độc lập đối với các hồ sơ BDH trình HĐQT.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ. BKS tiếp tục nâng cao chất lượng phối hợp, trao đổi thông tin

với HĐQT, BDH, các đơn vị trong hệ thống và Phòng Kiểm toán nội bộ để kịp thời phát hiện, cảnh báo rủi ro.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, giám sát công tác kế toán, thống kê và việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN; đồng thời, theo dõi việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ nhằm bảo đảm sự phù hợp với quy định pháp luật. Xác định vai trò giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ là một yếu tố cốt lõi, then chốt hàng đầu để đảm bảo hoạt động của ngân hàng hiệu quả, an toàn và tuân thủ pháp luật. Thực hiện giám sát chặt chẽ đối với kiểm soát nội bộ thông qua các trụ cột chính: công tác chỉ đạo, điều hành nhằm xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác giám sát và kiểm tra hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin nhằm đảm bảo hệ thống kiểm soát vận hành thông suốt, hiệu quả.

- Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động kiểm toán nội bộ được thông qua việc phê duyệt/chỉ đạo/giám sát các nội dung công việc quan trọng của kiểm toán nội bộ. Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được BKS ban hành, tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao, các mảng hoạt động trọng yếu và việc khắc phục các kiến nghị kiểm toán.

- Tập trung triển khai các sáng kiến đã đề ra theo đúng kế hoạch, lộ trình, qua đó nâng cao năng lực hoạt động của BKS. Tối ưu hóa sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin trong công tác giám sát và kiểm toán nội bộ thông qua việc tăng cường áp dụng các công cụ phân tích dữ liệu, tối ưu hóa việc áp dụng phần mềm kiểm toán, thực hiện kết nối và tăng cường chủ động trong khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát và kiểm toán nội bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống dữ liệu, khai thác hiệu quả dữ liệu từ các tuyến để phục vụ công tác giám sát của BKS; tăng cường khả năng hỗ trợ của hệ thống và dữ liệu từ các tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai trong phân tích và giám sát các chỉ tiêu trọng yếu của tuyến bảo vệ thứ ba, giúp Ngân hàng phản ứng nhanh với các dấu hiệu rủi ro. Xây dựng hệ thống Bảng dữ liệu (dashboard) và công cụ báo cáo tự động phục vụ hoạt động giám sát của BKS.

- Tăng cường và chuẩn hóa công tác đào tạo, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho các thành viên BKS và phòng Kiểm toán nội bộ; tăng cường trao đổi, làm việc với các cơ quan chức năng và các tổ chức tư vấn, hiệp hội nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát và chất lượng quản trị Ngân hàng.

Kính trình ĐHĐCĐ 2026 xem xét, thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 của BKS. *sc*

Trân trọng,

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Thị Thái

**NGÂN HÀNG TMCP
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH VỀ VIỆC THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 27/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCD ngày 26/04/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCD ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”):

1. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 (sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác) đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2025
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (riêng lẻ)	34.506.669
2	Điều chỉnh tăng Lợi nhuận năm trước	19.881
3	Lợi nhuận phân phối [(1) + (2)]	34.526.550
4	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%) [(3) x 10%]	3.452.656
5	Lợi nhuận phân phối sau khi trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ [(3)-(4)]	31.073.894
6	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính (0%) [(5) x 0%] (*)	-
7	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (25%) [(5) x 25%]	7.768.474
8	Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (03 tháng tiền lương)	2.974.260
9	Điều chỉnh tăng khác	514



TT	Khoản mục	Năm 2025
10	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích các quỹ [(5)-(6)-(7)-(8)+(9)]	20.331.674
11	Chia cổ tức <i>Theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>	20.331.674
12	Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích lập các quỹ và chia cổ tức [(10)-(11)]	0

(*) HĐQT không đề xuất trích lập Quỹ Dự phòng tài chính năm 2025 do số dư lũy kế Quỹ này đã đạt mức tối đa 25% Vốn điều lệ hiện tại của VCB theo quy định của Nghị định 135/2025/NĐ-CP¹.

2. Giao/ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 theo mục (1) nêu trên theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Giao HĐQT quyết định việc sử dụng quỹ (bao gồm mức thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát) theo mục đích được phép phù hợp với quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tùng



¹ Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về Chế độ tài chính đối với Tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước.

**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và dịch vụ đảm bảo đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính 2027

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) ngày 18/01/2024, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020, các văn bản sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2025,

Hội đồng quản trị VCB kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”):

1. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của VCB cho năm tài chính 2027 là: Công ty TNHH KPMG, hoặc Công ty TNHH PWC, hoặc Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

2. Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng với một trong các công ty kiểm toán theo quyết định tại mục (1) nêu trên.

Hội đồng quản trị VCB kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.



Nguyễn Thanh Tùng

**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆ VÀ QUY CHẾ
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các Tổ chức tín dụng ngày 29/06/2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 27/06/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 29/11/2024;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCD ngày 26/04/2025;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 979/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 989/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025;

Căn cứ Công văn số 3299/NHNN-QLGS ngày 23/04/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tham gia ý kiến nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VCB,

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB (“**Điều lệ**”), Quy chế tổ chức và hoạt động của HDQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB như sau:

1. Sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB

Điều lệ hiện hành của VCB được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua tại ngày 26/04/2025 trên cơ sở cập nhật các quy định mới của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan. Theo đó, Điều lệ VCB về cơ bản đã phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan, là cơ sở quan trọng để quản trị, điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Tuy nhiên, việc rà soát Điều lệ định kỳ là cần thiết để cập nhật các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn và nâng cao hiệu quả hoạt động của VCB.

Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB có nhiều nội dung tham chiếu đến Điều lệ. Do đó, các Quy chế này cũng cần được rà soát đồng thời với Điều lệ để đảm bảo tính tương thích, tổng thể và toàn diện.

2. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, HĐQT đã thực hiện rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB và dự thảo toàn văn các văn bản nêu trên tại các Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

(i) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ của VCB như nêu tại các Phụ lục kèm theo Tờ trình này;

(ii) Thông qua các Dự thảo toàn văn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB.

(iii) Giao HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để ban hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của VCB với các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC 1: CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VCB 2026

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
1	Phần mở đầu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020; - Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024; - Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019; 	Sửa thành: <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; 	Bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi mới ban hành và chuẩn hóa cách viết
2	Điểm t - Khoản 1 - Điều 1	“Cổ tức” là khoản tiền được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của Pháp luật;	Sửa thành: “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;	Căn cứ Khoản 5 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp ban hành ngày 17/06/2025
3	Điểm bb - Khoản 1 - Điều 1	“Lợi nhuận” là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu phải thu trừ đi tổng các khoản chi phí phải trả hợp lý, hợp lệ được xác định theo các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành.	Sửa thành: “Lợi nhuận” là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu trừ đi tổng các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ được xác định theo các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành.	Thực tế doanh thu gồm cả khoản thực thu/phải thu, chi phí gồm khoản thực trả/phải trả

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
4	Khoản 3 - Điều 1	Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	Sửa thành: Các tiêu đề (chương, mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	Sửa đổi để phù hợp với hình thức Điều lệ hiện tại
5	Khoản 2 - Điều 2	Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	Sửa thành: Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	Sửa đổi theo địa chỉ mới tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VCB
6	Khoản 4 - Điều 4	Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của Pháp luật.	Sửa thành: "Ngân hàng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này theo quy định của Pháp luật."	Căn cứ: - Khoản 1 Điều 109 Luật các TCTD 2024; - Điều 7 Thông tư 17/2024/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 25/2025/TT-NHNN) - TT30/2019/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung).
7	Khoản 5 - Điều 4	Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật về ngoại hối.	Sửa thành: Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật về ngoại hối.	Căn cứ Khoản 2 & 3 - Điều 109 và 109 Luật các TCTD 2024.
8	Khoản 6 - Điều 4	Chi nhánh của Ngân hàng có thể mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực	Sửa thành: Chi nhánh của Ngân hàng có thể mở tài khoản thanh toán tại Ngân	Căn cứ Điều 7 Thông tư 17/2024/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		thuộc trung ương, nơi đặt trụ sở của chi nhánh.	hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.	
9	Khoản 1 - Điều 6	Ngân hàng được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật.	Sửa thành: Ngân hàng được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp và phù hợp với quy định của Pháp luật.	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của VCB đã hợp nhất với Giấy phép thành lập và hoạt động và không còn được cập nhật.
10	Khoản 1 - Điều 14	Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 83.556.750.940.000 đồng (Tám mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).	Sửa thành: Vốn điều lệ của ngân hàng là 83.556.750.940.000 đồng (Tám mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).	Căn cứ Khoản 1 - Điều 6 Điều lệ mẫu của công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
11	Điểm c - Khoản 2 - Điều 15	Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật	Sửa thành: Kết chuyển Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần; nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại tăng vốn điều lệ, cổ tức được chia bằng cổ phiếu để bổ sung tăng vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật	Căn cứ theo quy định tại Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp năm 2025
12	Khoản 2 - Điều 16	Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 8.355.675.094 cổ phần (Tám tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy	Sửa thành: Vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành 8.355.675.094 cổ phần (Tám tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm	Sửa tương tự Khoản 1 - Điều 14 Điều lệ này

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		mười lăm nghìn, không trăm chín mươi tư cổ phần).	ngàn, không trăm chín mươi tư cổ phần).	
13	Khoản 3 - Điều 16	Toàn bộ cổ phần của Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.	Sửa thành: Toàn bộ cổ phần của Ngân hàng là cổ phần phổ thông.	Sửa tương tự Khoản 1 - Điều 14 Điều lệ này
14	Điểm a - Khoản 2 - Điều 17	a. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ được ghi trong sổ đăng ký cổ đông. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;	Sửa thành: Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần	Căn cứ theo Khoản 2 - Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.
15	Điểm b - Khoản 2 - Điều 17	Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo	Sửa thành: Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán	Căn cứ: - Khoản 16, 17 - Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020 - Điểm b - Khoản 2 - Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Ngân hàng phát hành;	và sổ cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Ngân hàng phát hành.	
16	Khoản 4 - Điều 17	Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Ngân hàng có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.	Sửa thành: Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Ngân hàng phải phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.	Căn cứ Khoản 5 - Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020.
17	Điểm a - Khoản 1 - Điều 18	Hội đồng quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;	Sửa thành: Hội đồng quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;	Căn cứ Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
18	Điểm c - Khoản 1 - Điều 18	Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.	Sửa thành: Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.	Căn cứ Điểm a - Khoản 3 - Điều 133 Luật doanh nghiệp 2020.
19	Điểm c - Khoản 1 - Điều 18	Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số	Sửa thành: Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ	Căn cứ Điểm b - Khoản 3 - Điều 133 Luật doanh nghiệp.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.	
20	Điểm a - Khoản 2 - Điều 18	Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này;	Sửa thành: Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ	Căn cứ Khoản 1 - Điều 132 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			đồng thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;	
21	Điểm b - khoản 2 - Điều 18	Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	Sửa thành: Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	Căn cứ Khoản 2 Điều 132 Luật doanh nghiệp 2020.
22	Điểm d - khoản 3 - Điều 18	Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.	Sửa thành: Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.	Căn cứ Khoản 4 - Điều 134 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
23	Khoản 4 - Điều 20	Cổ phiếu của Ngân hàng khi được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán.	Sửa thành: Cổ phiếu của Ngân hàng khi được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở giao dịch chứng khoán.	Quy định của SGDK sẽ thấp hơn các quy định của pháp luật.
24	Điểm d - Khoản 1 - Điều 24	Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	Sửa thành: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;	Căn cứ: - Điểm d - Khoản 2 - Điều 122 Luật doanh nghiệp 2020; - Khoản 16 - Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020; - Khoản 17 - Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020.
25	Khoản 2 - Điều 24	Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.	Sửa thành: Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng	Trung tâm đã đổi tên thành "Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam"

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.	
26	Khoản 3 - Điều 24	Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng/trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán	Sửa thành: Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	Trung tâm đã đổi tên thành “Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”
27	Điểm b - Khoản 2 - Điều 25	Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;	Loại bỏ	Căn cứ Khoản 1 - Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.
28	Khoản 3 – Điều 25	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần...người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	Sửa thành: Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần...người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.	Chuẩn hóa cách viết
29	Khoản 5 - Điều 25	Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi tên đó có thể yêu cầu Ngân hàng cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ	Sửa thành: Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu ghi tên đó có thể đề nghị Ngân hàng cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới với điều	Căn cứ Khoản 3 - Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng.	kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
30	Điểm c - Khoản 3 - Điều 29	Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân	Sửa thành: Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ	Căn cứ Điểm c - Khoản 2 - Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
31	Khoản 16 - Điều 32	Thông qua quy chế quản trị nội bộ, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	Sửa thành: Thông qua quy chế quản trị nội bộ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	Căn cứ Điểm 1 - Khoản 2 - Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020
32	Khoản 2c & 5 - Điều 33	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng;</p> <p>5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh</p>	<p>Sửa thành: 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.</p> <p>5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban</p>	<p>Căn cứ: - Điểm d - Khoản 2 - Điều 67 Luật các TCTD 2024; - Điểm c - Khoản 1 - Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020; - Điểm b - Khoản 2 - Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020; - Khoản 3 - Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020;</p>

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp, nếu xét thấy cần thiết.	kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	
33	Khoản 1 - Điều 34	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 33 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Sửa thành: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 33 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật; lập chương trình, nội dung; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp và dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp và các công việc khác theo quy định Pháp luật.	Căn cứ Khoản 5 - Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020.
34	Khoản 2 - Điều 34	Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân;	Sửa thành: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền	Căn cứ: - Khoản 2 - Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020; - Khoản 1 - Điều 141 được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp, ban hành năm 2025.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	
35	Khoản 3 - Điều 34	Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp.	Sửa thành: Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết.	Căn cứ: - Khoản 2 - Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020; - Khoản 3 - Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
36	Khoản 3 - Điều 36	<p>Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp</p>	Căn cứ Khoản 2 - Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
37	Khoản 8 - Điều 36	Chủ tọa cuộc họp có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:	Sửa thành: Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:	Căn cứ Khoản 8 - Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020.
38	Khoản 9 - Điều 36	Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và <u>hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</u>	Sửa thành: Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành	Căn cứ Khoản 9 - Điều 146 Luật doanh nghiệp 2020.
39	Điều 38	Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức... 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông...	Sửa thành: Điều 38. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức... 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc	Thống nhất sửa đổi toàn văn "Quyết định của Đại hội đồng cổ đông" thành "Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông", tương tự Điều 39 Điều lệ VCB và phù hợp với Điều 147, 148, 149 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		<p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:...</p> <p>5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>8. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ...</p>	<p>hợp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:...</p> <p>5. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông...</p> <p>8. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ...</p>	
40	Khoản 1 - Điều 39	<p>Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này.</p>	Căn cứ Khoản 1 - Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
41	Khoản 3 - Điều 39	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>e. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p>	Căn cứ Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng;	e) Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;	
42	Khoản 6 - Điều 39	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng và của người</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	Căn cứ Khoản 5 - Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
43	Khoản 7 - Điều 39	7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Sửa thành: Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Căn cứ Khoản 5 - Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020.
44	Điểm a - Khoản 1 - Điều 41	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;	Sửa thành: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	Căn cứ Điểm a - Khoản 1 - Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
45	Khoản 3 - Điều 41	<p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>...</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn quyết định đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản...</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p>	Căn cứ Khoản 3 & 6 - Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020.
46	Điều 42	<p>Điều 42. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của ngân hàng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này</p>	<p>Sửa thành:</p> <p>Điều 42: Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Ngân hàng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau</p>	Căn cứ Điều 151 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		và quy định của Pháp luật; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định</u> và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.	đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.	
47	Điểm b - Khoản 1 - Điều 44	Quản lý Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền	Sửa thành: Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm hoạt động của Ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.	- Luật các TCTD năm 1997 quy định về bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền (Điều 17) nhưng Luật các TCTD 2024 không có quy định riêng về nội dung này. - Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 70 Luật các TCTD 2024, Khoản 3 - Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 không quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT nêu tại Điều này Điều lệ. - Sửa theo Điểm b - Khoản 3 - Điều 41 Luật chứng khoán 2019, Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
48	Điểm f - Khoản 1 - Điều 44	Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài	Sửa thành: Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ	- Căn cứ Khoản 7 - Điều 70 Luật các TCTD 2024. - Đề xuất giảm tỷ lệ xuống tới mức hợp lý phù hợp với thực tiễn hoạt động của VCB và nằm trong quy định cho phép của Luật các TCTD 2024.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
49	Điểm w - Khoản 1 - Điều 44	Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	Sửa thành: Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	Căn cứ theo các quy định tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP, sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
50	Điểm dd - Khoản 1 - Điều 44	Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	Sửa thành: Các quyền và nhiệm vụ khác được ĐHĐCĐ ủy quyền, theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	Theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, đối với việc phát hành riêng lẻ hay ra công chúng thì ĐHĐCĐ sẽ phê duyệt phương án và phương án này có quy định ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT một số nội dung như xác định giá chào bán, thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư (khoản 3 Điều 11 và khoản 2 Điều 43)

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
51	Khoản 3 - Điều 44	3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên chấp nhận thông qua nghị quyết đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Ngân hàng liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	Sửa thành: Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Căn cứ Khoản 4 - Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020.
52	Khoản 5 - Điều 45	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ được uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình	Sửa thành: Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện	Căn cứ Khoản 4 - Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp.	
53	Điểm b - Khoản 3 - Điều 49	Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành Ngân hàng	Sửa thành: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý Ngân hàng	Căn cứ Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.
54	Điểm c - Khoản 3 - Điều 49	Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành;	Sửa thành: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau: Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;	Căn cứ Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
55	Điểm a - Khoản 1 - Điều 51	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nơi đăng ký kinh doanh.	Sửa thành: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.	- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đã hợp nhất với Giấy phép thành lập và hoạt động và không còn được cấp nhật. - Căn cứ Điểm a - Khoản 1 - Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020.
56	Điểm d - Khoản 1 - Điều 51	d. Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; họ, tên các thành viên Hội đồng quản trị không dự họp và lý do;	Sửa thành: d. Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên Hội đồng quản trị không dự họp và lý do;	Căn cứ Điểm d - Khoản 1 - Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020.
57	Điểm h - Khoản 1 - Điều 51	h. Các nghị quyết, quyết định được thông qua;	Sửa thành: Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	Căn cứ Điểm d - Khoản 1 - Điều 158 Luật doanh nghiệp 2020.
58	Khoản 1 - Điều 53	Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.	Sửa thành: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành	Căn cứ Khoản 2 - Điều 17 Thông tư 34/2024/TT-NHNN.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			viên Hội đồng quản trị chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.	
59	Khoản 3 - Điều 56	3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá 05 (năm) năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác	Sửa thành: 3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá 05 (năm) năm	Căn cứ Khoản 2 - Điều 162 Luật doanh nghiệp 2020.
60	Khoản 4 - Điều 56	Tổng Giám đốc không đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.	Sửa thành: Tổng Giám đốc không đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Căn cứ Điều 83 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Điều 291 Nghị định 155/NĐ-CP.
61	Điểm j - Khoản 5 - Điều 56	Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thẩm quyền của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.	Sửa thành: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Ngân hàng, trừ các chức danh theo thẩm quyền quyết định	Căn cứ Khoản 10 & 13 Luật các TCTD 2024.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
		Tuyển dụng lao động; quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp (nếu có) và lợi ích khác đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.	của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.	
62	Khoản 1 - Điều 57	1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng và người quản lý khác do Tổng Giám đốc thuê, ký hợp đồng, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc sa thải.	Sửa thành: Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Trưởng/Giám đốc các phòng, ban, trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng và người quản lý khác.	Bổ sung để phù hợp với cơ cấu tổ chức tại VCB.
63	Điều 58	Tiêu đề: Thù lao của Tổng Giám đốc	Sửa thành: Lương, thưởng, lợi ích khác của Tổng Giám đốc	Căn cứ Khoản 4 - Điều 70 Luật các TCTD 2024.
64	Điểm b - Khoản 1 - Điều 59	b. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán kiểm toán;	Sửa thành: Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;	Sửa chính tả
65	Khoản 6 - Điều 61	6. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:	Sửa thành: Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bất	Căn cứ Khoản 4 - Điều 43 Luật các TCTD 2024.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:	
66	Khoản 5 - Điều 62	Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng.	Sửa thành: Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng.	Căn cứ Khoản 4 - Điều 52 - Luật các TCTD 2024.
67	Khoản 2 - Điều 64	2. Bầu Trưởng Ban kiểm soát	Sửa thành: Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát	Căn cứ Khoản 2 - Điều 54 Luật các TCTD 2024.
68	Khoản 4 - Điều 64	4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục sai phạm nếu có.	Sửa thành: Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục	Căn cứ Khoản 4 - Điều 54 Luật các TCTD 2024.
69	Khoản 7 - Điều 64	Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích	Sửa thành: Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó	Căn cứ Khoản 8 - Điều 54 Luật các TCTD 2024.
70	Khoản 3 - Điều 65	Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Ngân hàng làm việc.	Sửa thành: Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm	Căn cứ Khoản 2 - Điều 171 Luật doanh nghiệp 2020.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			nơi người quản lý và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc.	
71	Điều 66	Tiêu đề: Thủ lao của thành viên Ban kiểm soát	Sửa thành: Thủ lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát	Sửa tương ứng với Điều 47 Điều lệ này.
72	Khoản 5 - Điều 69	Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng.	Sửa thành: Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng hoặc các địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam theo sự thống nhất của các thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có thể họp trực tuyến khi cần thiết.	Chỉnh sửa để phù hợp thực tế hoạt động tại VCB và vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật.
73	Khoản 1 - Điều 70	Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.	Sửa thành: Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu	Chỉnh sửa để phù hợp thực tế hoạt động tại VCB và vẫn tuân thủ các quy định của pháp luật.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
			quyết có xung đột lợi ích với thành viên đó.	
74	Khoản 4 - Điều 70	Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.	Sửa thành: Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.	Bổ sung do lỗi chính tả
75	Điều 88	Còn dấu; Hội đồng quản trị ban hành Quy định nội bộ về eon dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, trong đó xác định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung eon dấu; việc quản lý, lưu giữ và sử dụng eon dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước phù hợp với quy định của Pháp luật.	Sửa thành: Dấu của Ngân hàng Hội đồng quản trị ban hành Quy định nội bộ về dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác tại Trụ sở chính Ngân hàng ở trong nước, trong đó xác định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng; việc quản lý, lưu giữ và sử dụng dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác tại Trụ sở chính Ngân hàng ở trong nước phù hợp với quy định của Pháp luật.	Căn cứ Điều 43 Luật doanh nghiệp 2020.
76	Khoản 4 - Điều 91	Trung tâm Lưu ký	Sửa thành: Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán	Sửa tương tự Điều 24 Điều lệ này.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi	Căn cứ/Lý do
77	Khoản 5 - Điều 91	Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.	Sửa thành: Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.	- Sửa tương tự Điểm b - Khoản 2 - Điều 17 Điều lệ này.
78	Điểm d - Khoản 4 - Điều 97	Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông	Sửa thành: Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm c khoản này được phân chia cho các cổ đông	Sửa lỗi chính tả.
79	Phụ lục 1	Địa chỉ các chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết	Sửa đổi theo địa chỉ mới	

PHỤ LỤC 2: CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HĐQT VCB 2026

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
1	Trang Quyết định:	Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024; Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025,	Sửa thành: Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15; Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026,	Sửa tương ứng với Điều lệ. Điều lệ - Phần mở đầu: - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
2	Điều 2	Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14/05/2025 và thay thế Quyết định số 1569/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.	Sửa thành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2026 và thay thế Quyết định số 979/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng	Cập nhật theo văn bản mới.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.	
3	Điểm b - Khoản 1 - Điều 8	b) Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền;	Sửa thành: Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm hoạt động của Ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.	Sửa tương ứng với Điểm b - Khoản 1 - Điều 44 Điều lệ.
4	Điểm f - Khoản 1 - Điều 8	f) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa tương ứng với Điểm f - Khoản 1 - Điều 44 Điều lệ
5	Điểm w - Khoản 1 - Điều 8	w) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	Sửa thành: Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	Sửa tương ứng với Điểm w - Khoản 1 - Điều 44 Điều lệ

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
6	Điểm dd - Khoản 1 - Điều 8	Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	Sửa thành: Các quyền và nhiệm vụ khác được ĐHDCĐ ủy quyền, theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.	Sửa tương ứng với Điểm dd - Khoản 1 - Điều 44 Điều lệ
7	Điểm d - Khoản 1 - Điều 9	d) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua, dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa tương ứng với Điểm f - Khoản 1 - Điều 44 Điều lệ
8	Điểm b - Khoản 1 - Điều 15	b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
9	Điểm d - Khoản 2 - Điều 15	d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
10	Điểm c - Khoản 4 - Điều 16	c) Khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo theo đúng thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.	Sửa thành: c) Khi thành lập các Ủy ban, HĐQT phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cục Quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng) để báo cáo theo đúng thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.	Thay đổi tên gọi của đơn vị.
11	Khoản 2 - Điều 18	Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của VCB trong từng thời kỳ.	Sửa thành: Tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét, đánh giá và đề xuất việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và chế độ đãi ngộ đối với đối tượng này đảm bảo phù hợp với định hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của VCB trong từng thời kỳ.	Phù hợp với điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư 34/2024/TT-NHNN do cụm từ "cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT" tại Quy chế 979 chưa bao gồm thành viên HĐQT, thành viên BKS quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18: "(ii) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
				<i>đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng."</i>
12	Điều 18	Chưa có	Bổ sung Khoản 4 - Điều 18: 4. Thực hiện các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của VCB.	Khoản 2 Điều 18 Thông tư 34/2024/TT-NHNN quy định " <i>Quy chế làm việc và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau:...</i> ". Do đó để linh hoạt trong quá trình hoạt động sau này của UBNS VCB, đề xuất bổ sung thêm khoản 4.
13	Khoản 3 - Điều 27	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.	Sửa thành: 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, mã số doanh nghiệp; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề cần lấy ý kiến; phương án biểu quyết; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất tại các văn bản: VCB không còn sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do đã hợp nhất với Giấy phép thành lập và hoạt động. Tiếp tục sử dụng mã số doanh nghiệp.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
14	Khoản 3 - Điều 29	3. Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Sửa thành: 3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc các Khối, Giám đốc Ban/Trung tâm, Giám đốc/Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm/Văn phòng đại diện/Đơn vị sự nghiệp tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh và Giám đốc/Tổng Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	Bổ sung để đầy đủ các chức danh tại VCB.
15	Khoản 5 - Điều 29	5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.	Sửa thành: 5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các phòng, ban, trung tâm, khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.	Sửa tương ứng với Điều 88 Điều lệ

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
16	Khoản 6 - Điều 33	6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).	Sửa thành: 6. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban hoặc các chức danh khác có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).	Bổ sung để đầy đủ các chức danh tại VCB.

PHỤ LỤC 3: CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VCB 2026

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
1	Trang Quyết định	Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024; Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019; Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 18/TN2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025,	Sửa thành: Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông qua theo Nghị quyết số 19/TN2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026,	Sửa tương ứng với Điều lệ. Điều lệ - Phần mở đầu: - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; - Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
2	Điều 2	Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14/05/2025 và thay thế Quyết định số 1579/QĐ-VCB-HĐQT ngày 26/08/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.	Sửa thành: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2026 và thay thế Quyết định số 989/QĐ-VCB-HĐQT ngày 14/05/2025 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành Quy chế Quản	Cập nhật theo văn bản mới.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			trị nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.	
3	Khoản 2 - Điều 6	2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của pháp luật.	Sửa thành: 2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ nghị quyết, quyết định đó theo quy định của pháp luật.	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4	Khoản 2 - Điều 7	2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	Sửa thành: 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước/số Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần	Sửa tương ứng với Điểm b - Khoản 2 - Điều 17 Điều lệ

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
			từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.	
5	Khoản 3 - Điều 14	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.	Sửa thành: 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.	Sửa tương ứng với Khoản 3 - Điều 41 Điều lệ
6	Khoản 1 - Điều 16	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	Sửa thành: Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
7	Khoản 5 - Điều 16	5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phương thức gửi biên bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc	Sửa thành: 5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết cho các cổ đông có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử	Sửa tương ứng với Khoản 7 - Điều 39 Điều lệ

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ/Lý do
		đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	
8	Điểm b - Khoản 1 - Điều 22	b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
9	Điểm d - Khoản 2 - Điều 22	d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa thành: d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
10	Điểm b - Khoản 2 - Điều 28	b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa thành: b) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
11	Điểm c - Khoản 3 - Điều 28	c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa thành: c) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa tương ứng với Điều lệ. Thống nhất các văn bản: - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

STT	Điều	Nội dung	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cần cứ/Lý do
12	Điểm c - Khoản 4 - Điều 29	c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.	Sửa thành: c) Hội đồng quản trị, khi thành lập các Ủy ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Ngay sau khi ban hành, Ngân hàng gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Cục quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng) để báo cáo.	Thay đổi tên gọi của đơn vị.
13	Khoản 4 - Điều 32	4. Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.	Sửa thành: Tổng Giám đốc không đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Sửa tương ứng với Khoản 4 - Điều 56 Điều lệ

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Mục 1 – Giải thích thuật ngữ	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	2
Mục 2 – Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động	6
Điều 2. Tên gọi, trụ sở và thời hạn hoạt động của Ngân hàng.....	6
Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng	6
Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng	7
Điều 5. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng.....	7
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
Mục 3 - Các hoạt động chính	8
Điều 7. Hoạt động ngân hàng thương mại.....	8
Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần	10
Điều 9. Bảo hiểm	11
Điều 10. Các hoạt động khác	11
Điều 11. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động.....	12
Điều 12. Áp dụng tập quán thương mại trong hoạt động ngân hàng	12
Điều 13. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng	12
CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	12
Mục 1 – Vốn điều lệ.....	12
Điều 14. Vốn điều lệ của Ngân hàng	12
Điều 15. Tăng, giảm vốn điều lệ.....	12
Mục 2 – Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu.....	13
Điều 16. Cổ phần	13
Điều 17. Chào bán cổ phần.....	13
Điều 18. Mua lại cổ phần.....	15
Điều 19. Thu hồi cổ phần	17
Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần	17
Điều 21. Thừa kế cổ phần	19
Điều 22. Giới hạn sở hữu cổ phần	19

Điều 23. Sử dụng cổ phần làm tài sản bảo đảm	20
Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông.....	20
Điều 25. Cổ phiếu	20
Điều 26. Phát hành trái phiếu	21
CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG ..	22
Mục 1 - Cơ cấu tổ chức quản lý	22
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý	22
Mục 2 - Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 28. Cổ đông.....	22
Điều 29. Quyền của cổ đông	22
Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông.....	24
Điều 31. Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đồng	29
Điều 35. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 36. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 38. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	37
Điều 40. Thay đổi các quyền.....	39
Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	39
Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	40
Mục 3 - Hội đồng quản trị	40
Điều 43. Hội đồng quản trị.....	40
Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	45
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 47. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị.....	48
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	48
Điều 49. Họp Hội đồng quản trị.....	49

Điều 50. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	51
Điều 51. Biên bản họp hội đồng quản trị	52
Điều 52. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	53
Điều 53. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	54
Điều 54. Bộ phận Thư ký Ngân hàng	55
Điều 55. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	56
Mục 4 - Tổng Giám đốc	56
Điều 56. Tổng Giám đốc	56
Điều 57. Giúp việc cho Tổng Giám đốc	59
Điều 58. Lương, thưởng, lợi ích khác của Tổng Giám đốc	59
Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	59
Điều 60. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	61
Mục 5 - Ban kiểm soát	61
Điều 61. Ban kiểm soát	61
Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	63
Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	65
Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	66
Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	67
Điều 66. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát	68
Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	68
Điều 68. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	68
Điều 69. Cuộc họp của Ban kiểm soát	70
Điều 70. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	71
Điều 71. Biên bản họp của Ban kiểm soát	72
Điều 72. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	72
Mục 6 - Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị,	73
thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý của Ngân hàng	73
Điều 73. Cung cấp, công bố công khai thông tin	73
Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành của Ngân hàng	74

Điều 75. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	75
Điều 76. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	77
Mục 7 - Công nhân viên và công đoàn	78
Điều 77. Công nhân viên và công đoàn	78
CHƯƠNG IV - MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	78
Mục 1 - Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng ..	78
Điều 78. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.....	78
Mục 2 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc	79
Điều 79. Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc	79
Mục 3 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty có liên quan	79
Điều 80. Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong Công ty có liên quan.....	79
Điều 81. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan	79
Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.....	80
Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần	81
Điều 84. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết.....	81
CHƯƠNG V - CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	81
Mục 1 - Hệ thống kế toán và năm tài chính	81
Điều 85. Hạch toán, kế toán.....	81
Điều 86. Năm tài chính	82
Mục 2 - Kiểm toán và con dấu	82
Điều 87. Kiểm toán	82
Điều 88. Dấu của Ngân hàng	82
Mục 3 - Phân chia lợi nhuận	83
Điều 89. Phân chia lợi nhuận sau thuế	83
Điều 90. Trích lập quỹ	83
Điều 91. Trả cổ tức	83
CHƯƠNG VI - SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG	85
Điều 92. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý	85
Điều 93. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng	86

Điều 94. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng	86
Điều 95. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	87
CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG	87
Điều 96. Tổ chức lại.....	87
Điều 97. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng.....	87
Điều 98. Phá sản Ngân hàng.....	88
CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG	88
Điều 100. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Ngân hàng	89
CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	89
Điều 101. Điều khoản chung.....	89
Điều 102. Điều khoản chuyển tiếp.....	90

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số.../TN2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào ngày 24/04/2026.

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1 – Giải thích thuật ngữ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;

b. “*Luật các Tổ chức tín dụng*” có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 1 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm;

c. “*Pháp luật*” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ngân hàng bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này;

d. “*Ngân hàng*” là Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;

e. “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông;

f. “*Ngày thành lập*” là ngày Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;

g. “*Vốn pháp định*” là vốn tối thiểu phải có theo quy định của Pháp luật để thành lập Ngân hàng;

h. “*Ban điều hành*” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối của Ngân hàng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm/thuê;

- “*Người điều hành*” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng;

i. “*Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị*” là thành viên Hội đồng quản trị có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

(i) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;

(ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng,

ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

(iii) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

(iv) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

(v) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

j. “*Người quản lý Ngân hàng*” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối;

k. “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

(ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

(iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

(iv) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em

cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

(v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm (iv) khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

(vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;

(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

1. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Ngân hàng được quy định tại khoản 3 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua bằng nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nếu Pháp luật có yêu cầu;

m. "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n. "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau;

o. "*Cổ đông*" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần;

p. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử của Ngân hàng xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng;

q. "*Cổ phiếu quỹ*" là cổ phiếu của chính Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật;

r. "*Sổ đăng ký cổ đông*" là sổ đăng ký cổ đông quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;

s. "*Đại hội đồng cổ đông*" hoặc "*Đại hội*" là Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng;

t. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;

u. "*Công ty có liên quan*" là doanh nghiệp do Ngân hàng nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, gồm có Công ty con và Công ty liên kết;

v. "*Công ty con*" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

(i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;

(ii) Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

(iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;

(iv) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con đó.

w. "*Công ty liên kết*" là công ty mà Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng;

x. "*Đơn vị trực thuộc*" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

y. "*Đơn vị thành viên*" là các Đơn vị trực thuộc và Công ty có liên quan của Ngân hàng;

aa. "*Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng*" là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các Công ty có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật;

bb. "*Lợi nhuận*" là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu trừ đi tổng các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ được xác định theo các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành. Lợi nhuận thực hiện trong năm bao gồm lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác;

cc. "*Ngân hàng Nhà nước*" là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

dd. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;

gg. "*Quyết định có rủi ro*" là các quyết định của cấp có thẩm quyền của

Ngân hàng làm phát sinh rủi ro hoặc thay đổi trạng thái rủi ro của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2 – Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và thời hạn hoạt động của Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng

- Tên tiếng Việt: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**
- Tên tiếng Anh: **Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam**
- Tên giao dịch: **Vietcombank**
- Tên viết tắt: **VCB**

2. Trụ sở chính của Ngân hàng:

- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 39343137
- Fax: (84-24) 38251322; 38241395; 39360049
- E-mail: webmaster@vietcombank.com.vn
- Website: <http://www.vietcombank.com.vn>

3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 97 và Điều 98 Điều lệ này hoặc chuyển đổi hoạt động theo Điều 96 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm, kể từ Ngày thành lập.

Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng

1. Ngân hàng có thể thành lập, mua lại Công ty con hoặc tham gia thành lập các Công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng có thể thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự

ng nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng

1. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

2. Ngân hàng có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Ngân hàng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này theo quy định của Pháp luật.

5. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của Pháp luật về ngoại hối.

6. Chi nhánh của Ngân hàng có thể mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

Điều 5. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng

1. Tôn chỉ của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính ngân hàng để cung cấp dịch vụ đa dạng với chất lượng và hiệu quả cao tại khu vực.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng bao gồm hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này.

3. Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là tối đa hoá lợi nhuận, tích lũy đầu tư cho phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, được Pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Ngân hàng có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả ở trong nước và ngoài nước.

Mục 3 - Các hoạt động chính

Ngân hàng thực hiện các hoạt động chính sau đây theo quy định của Pháp luật

Điều 7. Hoạt động ngân hàng thương mại

Ngân hàng được thực hiện các hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động kinh doanh khác sau đây theo Giấy phép phù hợp với quy định của Luật các TCTD, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Pháp lệnh ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan khác:

A. Hoạt động ngân hàng

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
 - e) Thư tín dụng;
 - g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

B. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của Ngân hàng

1. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

C. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của Ngân hàng

1. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

D. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của Ngân hàng

1. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:

a) Ngoại hối;

b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

E. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý của Ngân hàng

1. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

F. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng

1. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

f) Hoạt động mua nợ;

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

2. Ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

b) Phát hành trái phiếu;

c) Lưu ký chứng khoán;

d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

e) Cung ứng dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;

f) Đầu tư ra nước ngoài;

3. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại điểm 1 và điểm 2 Khoản F Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần

1. Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

b) Cho thuê tài chính;

2. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh

toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

3. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

4. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Ngân hàng thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Bảo hiểm

Ngân hàng phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm và phải tuân thủ khoản 5 Điều 8 Điều lệ.

Điều 10. Các hoạt động khác

Căn cứ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác bao gồm các lĩnh vực nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:

- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật;

- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;

- Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;

- Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật các Tổ chức tín dụng và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật các Tổ chức tín dụng; và

- Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 12. Áp dụng tập quán thương mại trong hoạt động ngân hàng

Ngân hàng có thể thoả thuận áp dụng tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành; tập quán thương mại khác không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 13. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp - Pháp luật của Việt Nam và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Mục 1 – Vốn điều lệ

Điều 14. Vốn điều lệ của Ngân hàng

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng là 83.556.750.940.000 đồng (Tám mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi tại Điều lệ Ngân hàng và được xác nhận tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 15. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Ngân hàng có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật.

2. Các hình thức tăng vốn điều lệ Ngân hàng:

a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu;

- b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phiếu;
- c. Kết chuyển Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần; nguồn lợi nhuận sau thuế được để lại tăng vốn điều lệ, cổ tức được chia bằng cổ phiếu để bổ sung tăng vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật;
- d. Các hình thức khác phù hợp với quy định có liên quan của Pháp luật.

3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:

- a. Ngân hàng mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phiếu đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;
- b. Các hình thức khác theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định của tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Mục 2 – Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu

Điều 16. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Ngân hàng có mệnh giá là 10.000 đồng (bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của Ngân hàng bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Vốn điều lệ của Ngân hàng được chia thành 8.355.675.094 cổ phần (Tám tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi tư cổ phần).

3. Toàn bộ cổ phần của Ngân hàng là cổ phần phổ thông.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 17. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng;
- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường

hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

d. Cổ phần chào bán cho đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b. Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Ngân hàng phát hành;

c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Ngân hàng đúng hạn như đã thông báo thì cổ đông có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Ngân hàng hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng.

4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Ngân hàng phải phát hành và

giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.

5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng:

Ngân hàng được mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ và được bán cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thoả thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c. Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng

thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b. phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của Ngân hàng;

b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;

c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng;

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải

thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 19. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Ngân hàng tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức, các quyền lợi khác liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng trong thời hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng mua cổ phần Ngân hàng hoặc trong thời hạn theo quy định của Pháp luật, tùy thuộc thời hạn nào dài hơn.

4. Cổ phiếu của Ngân hàng khi được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở giao dịch chứng khoán.

5. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.

7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao

bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 21. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 22. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của Ngân hàng;

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a. Sở hữu cổ phần tại Công ty con, Công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;

c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều 63 của Luật các Tổ chức tín dụng.

5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 23. Sử dụng cổ phần làm tài sản bảo đảm

Cổ đông có thể cầm cố cổ phần của Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật nhưng không được cầm cố tại chính Ngân hàng.

Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông.

Điều 25. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Ngân hàng được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Cổ phiếu của Ngân hàng phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;
- f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;
- g. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Ngân hàng hoặc trong thời hạn hai (2) tháng hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Ngân hàng, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên, chứng nhận cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng sẽ cấp miễn phí chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu ghi tên đó có thể đề nghị Ngân hàng cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Ngân hàng có thể phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phiếu này theo quy định của Pháp luật.

Điều 26. Phát hành trái phiếu

Ngoài việc tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.

3. Hội đồng quản trị có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu, trừ phương án trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG

Mục 1 - Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.
4. Ban kiểm soát.

Mục 2 - Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 28. Cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Ngân hàng, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà cổ đông sở hữu. Quyền và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng.

3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông để dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 29. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng

vấn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 39 Điều lệ này. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Ngân hàng;
- iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo quy định của Ngân hàng;
- b. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới mà Ngân hàng chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu;
- e. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
- f. Xem, tra cứu thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- g. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trong trường hợp Ngân hàng bị giải thể hoặc phá sản, được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu, sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
- j. Ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
- k. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
1. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông

của Ngân hàng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên có các quyền sau đây:

a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Xem, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

4. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa một (01) người đại diện; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa hai (02) người đại diện; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được ủy quyền tối đa bốn (04) người đại diện; từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ủy quyền tối đa số người đại diện bằng số ứng cử viên đề cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong

thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng.

3. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Bảo vệ uy tín, tài sản và lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm Pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

7. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

9. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu

thực sự các cổ phần.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được uỷ quyền thông qua theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp. Hình thức cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại Quy chế tổ chức Đại hội.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng.

4. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.

5. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về việc niêm yết hoặc huỷ bỏ niêm yết công khai bất kỳ hoặc tất cả cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng.

7. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại Điểm 2 khoản A Điều 75 của Điều lệ này.

8. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán.
9. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
10. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
11. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
12. Xem xét và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
13. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.
14. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi hình thức pháp lý Ngân hàng.
15. Quyết định việc giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.
16. Thông qua quy chế quản trị nội bộ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
17. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
18. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng.
19. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
20. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền.
21. Thông qua phương án quy định tại Điều 143 Luật các Tổ chức tín dụng.

22. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng.

23. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 2/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d và e khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định

tại điểm c khoản 2 Điều này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

8. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 33 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật; lập chương trình, nội dung; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp và dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp và các công việc khác theo quy định Pháp luật.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước

ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết.

4. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (nếu cổ phiếu đã được niêm yết), trên website của Ngân hàng, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Ngân hàng có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Ngân hàng ít nhất 06 (sáu) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Việc từ chối phải thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5%

trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 35. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người được dự họp theo quy định của Pháp luật.

3. Việc ủy quyền lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng được Hội đồng quản trị chấp thuận. Văn bản phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền nộp văn bản này trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người

nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 36. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông đến khi báo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình nêu rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Tuy nhiên, Chủ toạ không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; hoặc
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Chủ toạ hoặc thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng

có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm họp đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng cuộc họp đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham dự ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự họp đại hội.

Thông báo về việc tổ chức họp đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

15. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ

được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp đại hội lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ, có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 38. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức (i) biểu quyết tại cuộc họp; (ii) biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; (iii) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
- d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:

- a. Được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số

phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;

b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các khoản 4, 6 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;

c. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các khoản 14, 15 Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

5. Các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp, trực tuyến và người uỷ quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

6. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản A Điều 75 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.

8. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ Căn cước/thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Nếu hết thời hạn trả lời ghi trong phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không trả lời thì coi như cổ đông đó đã đồng ý về vấn đề cần lấy ý kiến, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải

được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của Ngân hàng được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 37 và Điều 38 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi sổ biên bản của Ngân hàng. Biên bản họp phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của

cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Ngân hàng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.

Mục 3 - Hội đồng quản trị

Điều 43. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số thành viên của Hội đồng quản trị tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ

thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.

6. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.

7. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên

còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Ngân hàng và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a. Trình Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm hoạt động của Ngân hàng tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng;

c. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng;

d. Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật;

e. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng, trừ các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;

f. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 0,05% vốn điều lệ trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản B Điều 75 của Điều lệ này;

h. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

i. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;

j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- k. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng;
- m. Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị;
- n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối của Ngân hàng;
- o. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Ngân hàng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc/Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Ban kiểm soát;
- p. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- q. Quyết định, ban hành chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng;
- r. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên;
- s. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; trong việc kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng. Thực hiện đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
- t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong năm tài chính;
- u. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

v. Quyết định thanh lý tài sản và mức bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

w. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

x. Quyết định việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh hoặc giữa các công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ;

y. Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ);

z. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;

aa. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

bb. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

cc. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

dd. Các quyền và nhiệm vụ khác được ĐHCĐ ủy quyền, theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị hoặc Tòa án đình chỉ

thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

c. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;

j. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

k. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các uỷ ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

l. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị;

m. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng;

n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc uỷ quyền này theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị, có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.

6. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

7. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

8. Tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, e, f, g, h, j, n, p, q, r, w khoản 1 Điều 44 Điều lệ này.

9. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

10. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà thành viên Hội đồng quản trị nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.

11. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

12. Có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

13. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

14. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị là Tổng Giám đốc.

15. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp,

các văn bản pháp luật liên quan và điều lệ này.

Điều 47. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b. Có trình độ từ đại học trở lên;

c. Có một trong các điều kiện sau đây: ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này và không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Người điều hành Ngân hàng;

b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên hai doanh nghiệp khác;

c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 49. Hợp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị Ngân hàng họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác Ngân hàng;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm

quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này có thể thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không thể triệu tập được vì lý do bất khả kháng.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở Ngân hàng hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời gian 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được

tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và

b. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 50. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị đó không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định

mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản B Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì nghị quyết, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên không dự họp biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết đựng trong phong bì kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 10 Điều 49 Điều lệ này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 51. Biên bản họp hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi hình. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên Hội đồng quản trị không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ khi chuyển đi.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 52. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;
- b. Chết;

c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại khoản 1 Điều này, Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:

a. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 48 Điều lệ;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Không đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 48 Điều lệ đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Điều lệ thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các Tổ chức tín dụng.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

Điều 53. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải thành lập và duy trì các ủy ban sau đây:

a. Ủy ban quản lý rủi ro; và

b. Ủy ban nhân sự.

Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Mỗi Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm

Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn của các thành viên của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Ngoài các ủy ban giúp việc quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban giúp việc khác, nếu cần thiết.

Điều 54. Bộ phận Thư ký Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị thành lập bộ phận Thư ký Ngân hàng làm việc thường xuyên tại Ngân hàng để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Bộ phận Thư ký Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Ngân hàng;

d. Hỗ trợ Ngân hàng trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Ngân hàng trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f. Quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị quy định.

3. Số lượng cán bộ làm việc tại bộ phận Thư ký Ngân hàng; chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của cán bộ làm việc tại bộ phận Thư ký Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

4. Cán bộ của bộ phận Thư ký Ngân hàng không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho Ngân hàng.

5. Bộ phận Thư ký Ngân hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các ủy ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập, và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Ngân hàng mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Ngân hàng.

Mục 4 - Tổng Giám đốc

Điều 56. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng.
2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật trong thời gian Ngân hàng khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng Giám đốc không đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:
 - a. Trình Hội đồng quản trị của Ngân hàng:
 - (i) Các kiến nghị, đề xuất về cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng để Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền;
 - (ii) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
 - (iii) Những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Ngân hàng;
 - (iv) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt

động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Ngân hàng;

(v) Việc quản trị Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 32 của Điều lệ này;

(vi) Phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;

(vii) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Điều 44 của Điều lệ này mà Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ này và Pháp luật.

b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Ngân hàng đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Pháp luật;

e. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Giám sát các cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc thực hiện kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định có liên quan của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;

f. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;

g. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) vì lợi ích của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó kịp thời báo cáo cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;

h. Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ;

i. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình. Phối hợp với Ban kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc; chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro để bộ phận kiểm toán nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị;

j. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Ngân hàng, trừ các chức danh theo thẩm quyền quyết định của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng theo kế hoạch kinh doanh;

l. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật;

m. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;

n. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng;

o. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản Ngân hàng có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất theo hướng dẫn nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

p. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

q. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;

r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 57. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Trưởng/Giám đốc các phòng, ban, trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng và người quản lý khác.

2. Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối. Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nội dung được phân công.

3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.

5. Tổng Giám đốc phải thành lập Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO) và Hội đồng quản lý vốn để đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc theo quy định có liên quan của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 58. Lương, thưởng, lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- b. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân

hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

2. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Kế toán trưởng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

b. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

c. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

d. Phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 60. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp ;

b. Chết;

c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

g. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;

b. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm b khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị dự họp, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Tổng Giám đốc có thể bị bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 59 Điều lệ.

5. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng quản trị phải bỏ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

Mục 5 - Ban kiểm soát

Điều 61. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu là tổ chức sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng cử viên; từ 50% tổng số cổ phần biểu quyết trở lên được đề cử tối đa số ứng cử viên vào Ban kiểm soát phù hợp với số lượng thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ VCB.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.

4. Ban kiểm soát bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.

5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

6. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

a. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

b. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

c. Thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.

7. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát như sau:

a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các TCTD;

b. Giám sát đối với kiểm toán nội bộ theo quy định có liên quan của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ, riêng văn bản theo quy định tại Khoản 17 Điều 32 của Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; có quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng; có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của tổ chức tín dụng. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

6. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố

định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

7. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

8. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Khi có yêu cầu của Ngân hàng nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

10. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

11. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

12. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ sau khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của Người quản lý, người điều hành Ngân hàng.

13. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị

triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

14. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

15. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.

16. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của kiểm toán viên nội bộ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định có liên quan của Pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

17. Có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.

18. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

19. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 12 và 14 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

20. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 62 của Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ

cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

5. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

6. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

7. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của Điều lệ này và Pháp luật và thay mặt Ban kiểm soát triệu tập, chủ trì cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

9. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

10. Chỉ được uỷ quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

11. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.

12. Có các quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát tại Điều 64 của Điều lệ này.

13. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.

3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.

Yêu cầu người quản lý, người điều hành, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về các đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

8. Có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản

trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 66. Thủ lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được Ngân hàng thanh toán theo quy định.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng;

2. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

3. Không phải là Người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng;

4. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

5. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 68. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Chết;

c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

- d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này) làm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ này.

7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất

quyết định.

8. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Điều lệ, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu.

9. Trong các trường hợp khác, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 69. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau, thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập. Cuộc họp của Ban kiểm soát phải có ít nhất 2/3 số thành viên của Ban kiểm soát tham dự.

3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trưởng Ban kiểm soát;
- d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;
- e. Tổng Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo cơ quan nhà

nước có thẩm quyền theo quy định và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng hoặc các địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam theo sự thống nhất của các thành viên Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát có thể họp trực tuyến khi cần thiết.

6. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 70. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho thành viên Ban kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền dự họp có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên đó.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ

sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

6. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

Điều 71. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 72. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của Ngân hàng phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Ngân hàng.

**Mục 6 - Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị,
thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý của Ngân hàng**

Điều 73. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc(Giám đốc);

c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;

d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng

3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi Ngân hàng

bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.

4. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, tổ chức tin dụng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

5. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

7. Chủ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều này và Ngân hàng công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành của Ngân hàng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc chi nhánh có nghĩa vụ:

1. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật;

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn

cạnh tương tự.

3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.

4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.

6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc Người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.

8. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.

9. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 75. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

A. Đại hội đồng cổ đông

1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị theo quy định tại điểm 2 khoản A Điều này giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua (trừ các giao dịch cấp tín dụng theo quy định tại Điều 134 và Điều 135 Luật các Tổ chức tín dụng):

a. Cổ đông lớn, người đại diện ủy quyền của cổ đông lớn và Người có liên quan

của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát;

c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và Người có liên quan của các đối tượng tại điểm 1b Khoản A Điều này;

d. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng trừ trường hợp ngân hàng thương mại đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

e. Người quản lý Ngân hàng khác và Người có liên quan của họ trong trường hợp pháp luật có quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại điểm 1 Khoản A này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được thông qua khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp thông qua hoặc khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông thông qua trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại các Điểm 2 Khoản này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Ngân hàng bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

B. Hội đồng Quản trị

1. Hợp đồng, giao dịch có giá trị theo quy định tại điểm 2 Khoản B Điều này giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua (trừ các giao dịch cấp tín dụng theo quy định tại Điều 134 và Điều 135 Luật các Tổ chức tín dụng):

a. Cổ đông lớn, người đại diện ủy quyền của cổ đông lớn và Người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát;

c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và Người có liên quan của các đối tượng tại điểm 1b Khoản B Điều này;

d. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;

e. Người quản lý Ngân hàng khác và Người có liên quan của họ trong trường hợp pháp luật có quy định.

2. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại Điểm 1 Khoản B Điều này. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc thông qua hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các Điểm 2 Khoản B Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch đó, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Ngân hàng bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 76. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Ngân hàng do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố đã, đang hoặc

có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó thực hiện các nhiệm vụ của Ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng (hay Công ty con của Ngân hàng) uỷ quyền.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí theo phán quyết của cơ quan giải quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

4. Ngân hàng có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 7 - Công nhân viên và công đoàn

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động; xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ Ngân hàng.

CHƯƠNG IV - MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1 - Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng

Điều 78. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng

1. Ngân hàng có các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết. Danh sách các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này.

2. Ngân hàng có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc ở trong nước và nước ngoài để hỗ trợ hoạt động của Ngân hàng theo nghị quyết, quyết định của Hội

đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

Mục 2 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc

Điều 79. Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Ngân hàng và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này.

Quy chế hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Ngân hàng chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

Mục 3 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty có liên quan

Điều 80. Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong Công ty có liên quan

1. Ngân hàng giao quyền cho Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trực tiếp thay mặt Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan trong phạm vi điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Ngân hàng quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

3. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện cụ thể.

Điều 81. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi Ngân hàng nắm quyền chi phối đối với một Công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong điều lệ và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a. Biểu quyết việc phê duyệt điều lệ hoạt động;
- b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh;
- c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;
- d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài Công ty có liên quan;
- e. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;

f. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Ngân hàng để thực hiện các dự án lớn cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;

g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan;

h. Các lĩnh vực khác theo điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho các Công ty có liên quan bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung cho cả Tập đoàn trên cơ sở phát huy được thế mạnh của từng Công ty có liên quan và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các Công ty có liên quan. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các thành viên trong Tập đoàn được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ Tập đoàn và phù hợp với quy định Pháp luật.

3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:

1. Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và khen thưởng thành viên hội đồng thành viên trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có hội đồng thành viên, hoặc chủ tịch công ty đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty, kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát Công ty.

3. Ngân hàng phân cấp cho hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên) hoặc chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi

nhiệm và khen thưởng đối với:

- Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

- Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

4. Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:

1. Ngân hàng thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua người đại diện của mình là thành viên trong hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc tại đại hội đồng cổ đông.

2. Được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định của Pháp luật khác có liên quan.

Điều 84. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết

Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định có liên quan của Pháp luật.

CHƯƠNG V - CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1 - Hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 85. Hạch toán, kế toán

1. Ngân hàng thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Hệ thống chuẩn mực kế toán ngân hàng sử dụng là hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống chuẩn mực kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Ngân hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

3. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

4. Chữ viết sử dụng trong kế toán là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng

nước ngoài trên báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

Điều 86. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

2. Năm tài chính đầu tiên của Ngân hàng bắt đầu từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Mục 2 - Kiểm toán và con dấu

Điều 87. Kiểm toán

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn

2. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

3. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

Điều 88. Dấu của Ngân hàng

Hội đồng quản trị ban hành Quy định nội bộ về dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác tại Trụ sở chính Ngân hàng ở trong nước, trong đó xác định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Ngân hàng; việc quản lý, lưu giữ và sử dụng dấu của Ngân hàng, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các đơn

vị khác tại Trụ sở chính Ngân hàng ở trong nước phù hợp với quy định của Pháp luật.

Mục 3 - Phân chia lợi nhuận

Điều 89. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Phần lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ..

Điều 90. Trích lập quỹ

1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.
2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
 - a. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng;
 - b. Trích lập quỹ dự phòng tài chính;
 - c. Trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có);
 - d. Trả cổ tức cho các cổ đông;
 - e. Việc trích lập và tỷ lệ trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 91. Trả cổ tức

1. Ngân hàng được chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
2. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

7. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Ngân hàng.

8. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. Ngân hàng không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.

9. Ngân hàng không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG VI - SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 92. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng bao gồm: báo cáo tình hình tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo trên, Ngân hàng lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm; báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc Ngân hàng tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đã soát xét, báo cáo tài chính hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của Pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính Ngân hàng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính Ngân hàng và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên 01 số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.

6. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

Điều 93. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông; xem, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Ngân hàng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 94. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng

1. Ngân hàng lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính Ngân hàng:

a. Điều lệ Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng; các quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; sổ đăng ký cổ đông;

b. Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng;

d. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; các quyết định của Ngân hàng;

e. Bản cáo bạch để chào bán hoặc niêm yết chứng khoán;

f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng;

- h. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của Ngân hàng;
- i. Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Tập đoàn;
- j. Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

2. Bản sao các báo cáo, tài liệu quyết toán hàng năm của Ngân hàng, của các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Tập đoàn được lưu giữ ở các chi nhánh của Ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp luật.

4. Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 95. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng phải công bố ra công chúng và nộp cho cơ quan có thẩm quyền các báo cáo tài chính và các thông tin, tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

Điều 96. Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Ngân hàng thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 97. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng

- 1. Ngân hàng bị giải thể, chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
 - b. Khi hết thời hạn hoạt động không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép;
 - d. Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tin dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 2. Ngân hàng chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 3. Các quyết định giải thể Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của pháp luật.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;
 - c. Thuế và các khoản nợ khác của Ngân hàng;
 - d. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm c khoản này được phân chia cho các cổ đông.
5. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 98. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

**CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ
BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG**

Điều 99. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Pháp luật quy định, giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Ngân hàng;
- b. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý Ngân hàng khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06

(sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

Điều 100. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Ngân hàng

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định có liên quan của Pháp luật đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ này gồm 09 (chín) chương, 102 (một trăm linh hai) điều được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số .../TN2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2026 tại thành phố Hà Nội.

3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

4. Điều lệ này được lập thành 06 bản gốc, bản gốc bằng tiếng Việt và có thể được dịch thuật sang tiếng nước ngoài để phục vụ hoạt động kinh doanh. Trường

hợp Điều lệ này được dịch sang ngôn ngữ khác thì bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài có giá trị và hiệu lực như nhau. Trường hợp có bất kỳ sự không nhất quán nào giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Điều lệ được nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về công tác văn thư của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 102. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý Ngân hàng, Người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 41, 42 và 43 của Luật các Tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời gian được bầu, bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật các Tổ chức tín dụng được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật các Tổ chức tín dụng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp ngân hàng thương mại bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Thanh Tùng

PHỤ LỤC 1**DANH SÁCH CHI NHÁNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

STT	Tên	Địa chỉ
CHI NHÁNH		
1.	An Giang	Số 26 đường Hai Bà Trưng, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
2.	Ba Đình	Số 72 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
3.	Bà Rịa	Số 03 đường Trường Chinh, phường Bà Rịa, thành phố Hồ Chí Minh
4.	Bảo Lộc	Số 452 đường Trần Phú, phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
5.	Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh
6.	Bắc Giang	Số 278 đường Hoàng Văn Thụ, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
7.	Bạc Liêu	Số 49 đường Hòa Bình, Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
8.	Bắc Ninh	Ngã 6, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
9.	Bắc Gia Lai	Số 33 đường Quang Trung, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
10.	Bắc Sài Gòn	Số 155-155A đường Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh
11.	Bến Tre	Số 55B3, đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long
12.	Biên Hoà	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
13.	Bình Định	Số 66C đường Lê Duẩn, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
14.	Bình Dương	Số 314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên	Địa chỉ
15.	Bình Phước	Số 744 đường Phú Riềng Đỏ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai
16.	Bình Thuận	Số 50 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng
17.	Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
18.	Cần Thơ	03-05-07 đường Hòa Bình, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
19.	Châu Đốc	Số 20 đường Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang
20.	Chí Linh	Số 01 đường Nguyễn Thái Học, phường Sao Đỏ, thành phố Hải Phòng
21.	Chương Dương	Số 564 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội
22.	Đà Nẵng	Số 140-142 đường Lê Lợi, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
23.	Đắk Lắk	Số 06 đường Trần Hưng Đạo, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
24.	Đông Anh	Km 10, Quốc lộ 3, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội
25.	Đông Bình Dương	Số 26 đường Lê Duẩn, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh
26.	Đồng Nai	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai
27.	Đông Sài Gòn	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh
28.	Đồng Tháp	Số 66, đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
29.	Dung Quất	KCN Đồng Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi
30.	Gia Định	Số 415 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên	Địa chỉ
31.	Gia Lai	Số 737 đường Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai
32.	Hạ Long	166 đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
33.	Hà Nam	Đường Lê Hoàn, phường Phù Lý, tỉnh Ninh Bình
34.	Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.
35.	Hà Thành	Số 78 Nguyễn Du, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
36.	Hà Tĩnh	Số 02 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh
37.	Hải Dương	Số 66 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng
38.	Hải Phòng	Số 275 đường Lạch Tray, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng
39.	Thành phố Hồ Chí Minh	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt, trọn tầng lửng, tầng lầu 01, 02, 03, 04, 05, 07 và 08 Tòa nhà VBB, số 05 Công Trường Mê Linh, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
40.	Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội
41.	Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội
42.	Huế	Số 78 đường Hùng Vương, phường Thuận Hóa, thành phố Huế
43.	Hùng Vương	Số 664 Sư Vạn Hạnh, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
44.	Hưng Yên	Số 02 đường Nguyễn Công Hoan, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
45.	Khánh Hòa	Số 17 đường Quang Trung, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

STT	Tên	Địa chỉ
46.	Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
47.	Kinh Bắc	Tòa nhà Long Phương, số 370 - 372 đường Trần Phú, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
48.	Kon Tum	Số 01 Phan Đình Phùng, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi
49.	Kỳ Đồng	Số 13-13 Bis Kỳ Đồng, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh
50.	Lâm Đồng	Số 33 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
51.	Lạng Sơn	Số 39 đường Lê Lợi, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
52.	Lào Cai	Số 52 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai
53.	Long An	Số 2A, đường Phạm Văn Ngũ, ấp Bến Lức 5, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
54.	Đồng Đồng Nai	Số 53A/4 quốc lộ 1A, phường Hố Nai, tỉnh Đồng Nai
55.	Móng Cái	Số 05, đường Hùng Vương, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh
56.	Nam Bình Dương	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh
57.	Nam Đà Nẵng	Số 537 đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng
58.	Nam Định	Số 629 Trần Hưng Đạo, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình
59.	Nam Hà Nội	Tầng 1-2-3, Tòa nhà 1277 Giải Phóng, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
60.	Nam Hải Phòng	Số 11 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

STT	Tên	Địa chỉ
61.	Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
62.	Nghệ An	Số 21 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
63.	Nha Trang	Số 14 đường Lê Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
64.	Nhon Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cánh, ấp Xóm Hố, xã Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai
65.	Ninh Bình	Số 1069 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
66.	Ninh Thuận	Số 47 đường 16/4, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa
67.	Phổ Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên
68.	Phú Nhuận	Số 285 đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
69.	Phú Quốc	Số 1A đường Hùng Vương, khu phố 1 Dương Đông, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang
70.	Phúc Yên	Số 06 Tổ dân phố số 08 – Hùng Vương, đường Hai Bà Trưng, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ
71.	Quy Nhơn	Số 433 đường Lạc Long Quân, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai
72.	Phú Thọ	Số 01 đường Trần Phú, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
73.	Phú Yên	Số 145 Hùng Vương, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk
74.	Quảng Bình	Số 01C, đường Trần Hưng Đạo, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
75.	Quảng Nam	Số 35 đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng
76.	Quảng Ngãi	Số 345 đường Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên	Địa chỉ
77.	Quảng Ninh	Đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh
78.	Quảng Trị	Số 34 đường Hùng Vương, Phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
79.	Sài Gòn	Số 69 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
80.	Sài Gòn Chợ Lớn	Số 963-965-967 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, thành phố Hồ Chí Minh
81.	Sài Thành	Số 2A-2B-2C Lý Thường Kiệt, Phường Chợ Lớn, thành phố Hồ Chí Minh
82.	Sở giao dịch	191 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
83.	Bắc Hà Nội	Cụm Công nghiệp Lai Xá, đường Vạn Xuân, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội
84.	Sóc Trăng	Số 03 đường Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ
85.	Tân Bình Dương	Số 16 đường Lê Trọng Tấn, khu phố Bình Đường 2, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh
86.	Tân Bình	Số 108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
87.	Tân Định	Số 38 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh
88.	Tân Sài Gòn	Số 1943-1945 đường Huỳnh Tấn Phát, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
89.	Tân Sơn Nhất	Số 366A33 Phan Văn Trị, phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh
90.	Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Thới An Đông, thành phố Cần Thơ
91.	Tây Hà Nội	Lô HH-03 đường Tố Hữu, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

STT	Tên	Địa chỉ
92.	Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội
93.	Tây Ninh	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
94.	Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 39, xã Bình Hưng, thành phố Hồ Chí Minh
95.	Thái Bình	Số 75, đường Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên
96.	Thái Nguyên	Số 66 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên
97.	Thăng Long	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
98.	Thành Công	Số 01 Thái Hà, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội
99.	Thanh Hóa	Số 05 đường Phan Chu Trinh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
100.	Thanh Xuân	Tầng 1-2, Trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ Artemis, số 3 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
101.	Thủ Đức	Số 50A, đường Đặng Văn Bi, Khu phố 31, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
102.	Thủ Thiêm	Số 55-56 đường Song Hành, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
103.	Tiền Giang	Số 150 Đinh Bộ Lĩnh, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
104.	Trà Vinh	Số 05 Lê Thánh Tôn, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long
105.	Tuyên Quang	Tổ dân phố Tân Quang 8, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang
106.	Vinh	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An

STT	Tên	Địa chỉ
107.	Vĩnh Long	Số 5C, đường Hưng Đạo Vương, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long
108.	Vĩnh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ
109.	Vũng Tàu	Số 27 đường Trần Hưng Đạo, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh
110.	Hòa Bình	Số 309 đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
111.	Yên Bái	Đường Điện Biên, Tổ dân phố Minh Tân 8, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai
112.	Đông Quảng Ninh	Số 584 đường Trần Phú, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
113.	Hội An	Số 2 đường Trần Cao Vân, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng
114.	Đắk Nông	Số 74 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng
115.	Đông Hải Phòng	Số 12-13 LK 20, Khu đô thị Quang Minh, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
116.	Bắc Đà Nẵng	Số 249A đường Nguyễn Lương Bằng, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
117.	Bắc Đắk Lắk	Số 149 đường Trần Hưng Đạo, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
118.	Sơn La	Số 286 đường Tô Hiệu, tổ 9 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
119.	Đông Hà Nội	HD03-SP.BH 74-76-80-82 phố Biển Hồ, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội
120.	Tân Bắc Ninh	Lô C3, Khu Công nghiệp Đình Trám, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh
121.	Long Thành	Số 272A - 272E đường Lê Duẩn, ấp Văn Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

STT	Tên	Địa chỉ
122.	Bắc Thanh Hóa	SH01-SH05, Đường Phú Châu – Khu đô thị Eurowindow Garden City Thanh Hóa – ngã tư Hồng Hạc, đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
123.	Tân Long An	Số 85-91 đường Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
124.	Nam Thăng Long	Khu đất kinh doanh dịch vụ, thôn Bình Vọng, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội
125.	Đông Đô	Số 26 phố Tây Sơn, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội
126.	Nam Bắc Ninh	Đường Kinh Dương Vương, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
127.	Thống Nhất	Số 30/11G đường Tô Ký, xã Đông Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
128.	Phú Mỹ	Số 2315 đường Độc Lập, phường Phú Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

1	Trường Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực VCB	Khu đô thị Ecopark, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên
2	Trung tâm Xử lý tiền mặt VCB tại TP Hà Nội	Số 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
3	Trung tâm Xử lý tiền mặt VCB tại TP Hồ Chí Minh	Số 05 Công trường Mê Linh, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1	Văn phòng đại diện VCB tại khu vực phía Nam	Tòa nhà VBB, số 5 Công trường Mê Linh, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
2	Văn phòng đại diện tại Singapore	1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore, 048616
3	Văn phòng đại diện tại Mỹ	Thành phố New York, Mỹ

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Vietcombank (VCBL)	Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05 Hoàng Đạo Thúy, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
2	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS)	Tầng 7-8-9-10, Tháp B Vincom Center, số 191 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
3	Công ty Tài chính Việt Nam (VFC)	16 th Floor, Golden Star Building, 20 -24 Lockhart Road, Hongkong
4	Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank (VCBR)	Lầu 4, Tòa nhà VCB Kỳ Đồng, 13-13Bis Kỳ Đồng, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh
5	Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198 (VCBT)	P1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
6	Công ty Chuyển tiền Vietcombank (VCBM)	12112 Brookhurst Street, Suite 11, Garden Grove, CA 92840, United States
7	Công ty TNHH Vietcombank-Bonday-Bến Thành (VBB)	Tầng 22, Vietcombank Tower, Số 05, Công trường Mê Linh, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
8	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (VCBF)	Tầng 15 Toà nhà VCB Tower, số 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
9	Công ty TNHH Vietcombank-Bonday	Số 35 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
10	Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (VCB Lào)	Nhà số 12, Lô 15, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsadee-Tai, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, CHDCND Lào
11	Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Ngoại thương công nghệ số	Số 10 Thiên Quang, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội